

Số: 518 /TB-SPS-BNNMT

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 01/7 - 15/7/2026

Văn phòng SPS Việt Nam tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 01/7 - 15/7/2026 của các Thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (sau đây gọi tắt là thông báo), cụ thể:

1. Số lượng thông báo: 51¹, trong đó gồm:

- 24 thông báo dự thảo lấy ý kiến;
- 27 thông báo có hiệu lực.

2. Một số thông báo cần chú ý:

a) Liên minh châu Âu đăng 08 thông báo liên quan đến mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, phụ gia thức ăn chăn nuôi, sản phẩm hỗn hợp và thực vật được tạo ra bằng một số kỹ thuật gen mới, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/EU/963 về dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa của diazinon trong hoặc trên một số sản phẩm. EU đề xuất hạ nhiều MRL xuống giới hạn định lượng, trong đó có hạnh nhân, nam việt quất, dưa, củ cải, hành tây, ớt chuông, ngô ngọt, cải thảo, su hào, hoa bia, gia vị từ hạt, cam thảo, nghệ và củ cải đường. Đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật, dự thảo hạ MRL đối với mỡ lợn, thịt xẻ và nội tạng ăn được khác của gia cầm, một số loại sữa; đồng thời điều chỉnh MRL đối với gan, thận của lợn, bò, cừu và dê. Quy định dự kiến được áp dụng sau 06 tháng kể từ ngày có hiệu lực.

- Thông báo G/SPS/N/EU/962 về Quy định (EU) 2026/908 bổ sung một số sản phẩm hỗn hợp ổn định bảo quản có rủi ro thấp vào danh sách được miễn kiểm tra chính thức tại trạm kiểm soát biên giới. Các sản phẩm gồm một số sản phẩm ngũ cốc, khoai tây chiên, rau, quả và hạt đã qua chế biến hoặc bảo quản, nước xốt, gia vị và bánh kẹo thuộc các mã CN liên quan. Quy định đồng thời sửa đổi yêu cầu về chứng nhận tư nhân đối với các lô hàng sản phẩm hỗn hợp thuộc phạm vi điều chỉnh và có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu.

¹ Số liệu bao gồm 04 thông báo ngày 30/6/2026 được tiếp nhận sau thời điểm chốt số liệu kỳ trước và được tổng hợp trong kỳ này.

- Thông báo G/SPS/N/EU/687/Add.1 về Quy định (EU) 2026/1388 đối với thực vật được tạo ra bằng một số kỹ thuật gen mới và các sản phẩm thu được từ các thực vật này. Quy định áp dụng từ ngày 17/7/2028; riêng các Điều 29, 30 và 31 được áp dụng từ ngày 16/7/2026.

Nội dung các thông báo còn lại liên quan đến MRL của 1,4-dimethylnaphthalene, chlormequat, metribuzin, metribuzin-DADK, terbuthylazine và triclopyr; biện pháp kiểm dịch thực vật đối với *Meloidogyne graminicola*; đỉnh chính MRL của fenpropathrin; cấp phép vermiculite và dự thảo cấp phép tinh dầu lá nguyệt quế làm phụ gia thức ăn chăn nuôi.

b) Hoa Kỳ đăng 07 thông báo liên quan đến mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, việc hủy đăng ký sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật và kiến nghị sửa đổi quy định về phụ gia thực phẩm, trong đó:

- Thông báo G/SPS/N/USA/3576 về việc Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ tiếp nhận các đề nghị tự nguyện hủy đăng ký một số sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật và/hoặc sửa đổi đăng ký để chấm dứt một số mục đích sử dụng, trong đó có việc chấm dứt mục đích sử dụng đối với sản phẩm chứa captan dùng trong gia đình và làm vườn và sản phẩm chứa oxytetracycline hydrochloride sử dụng đối với nhóm cây có mùi.

- Thông báo G/SPS/N/USA/3577 về việc Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ tiếp nhận kiến nghị sửa đổi quy định để cho phép sử dụng bức xạ ion hóa với liều không vượt quá 30 kGy nhằm giảm tác nhân gây bệnh trong bột mì tăng cường vi chất chưa qua xử lý.

Nhóm thông báo còn lại quy định hoặc sửa đổi mức dư lượng tối đa đối với chlormequat chloride, bifenthrin, diflufenican, epyrifenacil và fluoxapiprolin. Các mức dư lượng áp dụng đối với nhiều nhóm hàng như lúa mạch, yến mạch, lúa mì, ngô, đậu tương, hạt cải dầu, rau ăn lá, rau ăn quả, rau họ bầu bí, hành, nho và nho khô, hạt cà phê xanh, các sản phẩm có nguồn gốc động vật và thức ăn chăn nuôi.

c) Hàn Quốc đăng 03 thông báo liên quan đến tiêu chuẩn thực phẩm, thực phẩm chế biến từ nuôi cấy tế bào và biện pháp kiểm dịch thực vật, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/KOR/849 về dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với thực phẩm. Dự thảo điều chỉnh phạm vi áp dụng giới hạn zearalenone đối với ngô; bổ sung vỏ trấu vào danh mục nguyên liệu được sử dụng hạn chế; quy định mới và sửa đổi MRL đối với 106 hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật; đồng thời sửa đổi, bổ sung các phương pháp kiểm nghiệm liên quan.

- Thông báo G/SPS/N/KOR/848 về dự thảo bổ sung yêu cầu đối với nguyên liệu thực phẩm nuôi cấy tế bào và loại hình thực phẩm chế biến từ nuôi cấy tế bào trong nhóm thực phẩm chế biến có nguồn gốc động vật; đồng thời quy định các yêu cầu về nguyên liệu, sản xuất, chế biến, phân loại sản phẩm và chỉ tiêu vi sinh, hóa lý liên quan.

- Thông báo G/SPS/N/KOR/622/Add.7 về việc cập nhật danh mục cây ký chủ, khu vực phân bố và các loài côn trùng môi giới truyền *Xylella fastidiosa*, bao gồm *X. taiwanensis*. Sau cập nhật, danh mục quản lý gồm 23 khu vực có phân bố dịch hại, 38 loài côn trùng môi giới và 88 chi với 326 loài thực vật ký chủ; quy định áp dụng đối với các lô hàng kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật được gửi đi từ ngày 13/7/2026.

d) Trung Quốc thông báo dự thảo sửa đổi Biện pháp giám sát, quản lý kiểm nghiệm, kiểm dịch đối với động vật và vật liệu di truyền động vật xuất nhập cảnh và quá cảnh.

Theo đó, dự thảo hợp nhất một số quy định hiện hành và làm rõ yêu cầu quản lý theo các khâu nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh. Đối với nhập cảnh, dự thảo quy định việc đánh giá rủi ro, xác định danh mục được phép nhập khẩu, đăng ký cơ sở ở nước ngoài trong trường hợp thuộc diện yêu cầu, phê duyệt kiểm dịch, giấy chứng nhận kiểm dịch và cách ly động vật nhập cảnh. Thời gian cách ly tối thiểu là 45 ngày đối với gia súc lớn và trung bình dùng làm giống, 14 ngày đối với động vật thủy sản sống và 30 ngày đối với các động vật khác, trừ trường hợp có quy định riêng. Dự thảo cũng quy định yêu cầu kiểm dịch đối với xuất cảnh, giám sát quá cảnh, truy xuất nguồn gốc, cảnh báo rủi ro và xử lý vi phạm.

đ) Nhật Bản sửa đổi Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm gia súc và các quy định liên quan.

Theo đó, Nhật Bản bổ sung bệnh viêm da nổi cục vào danh mục bệnh truyền nhiễm gia súc và bổ sung trâu nước vào nhóm loài thuộc phạm vi quản lý đối với bệnh này. Quy định tăng cường kiểm tra, xử lý hàng hóa nhập khẩu trái quy định; điều chỉnh một số thủ tục kiểm dịch xuất nhập khẩu; đồng thời loại trừ khỏi danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu thức ăn cho vật nuôi cảnh không dùng làm thực phẩm đã được xử lý ở nhiệt độ tâm sản phẩm từ 121,1°C trong ít nhất 03 phút hoặc bằng phương pháp có hiệu quả tương đương và có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu. Quy định có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

e) Ca-na-đa đăng 05 thông báo liên quan đến thức ăn chăn nuôi, lưu thông thịt đỏ giữa các tỉnh và mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/CAN/1645 về dự thảo sửa đổi một số quy định nhằm hài hòa Lệnh cấm tăng cường đối với thức ăn chăn nuôi với tình hình dịch tễ học hiện nay. Dự thảo cho phép sử dụng một số vật liệu có nguy cơ được chỉ định đủ điều kiện trong thức ăn cho động vật không nhai lại, thức ăn cho thú cưng và phân bón theo các điều kiện nhất định; vật liệu có nguy cơ được chỉ định tiếp tục bị cấm sử dụng trong thực phẩm và thức ăn cho động vật nhai lại.

- Thông báo G/SPS/N/CAN/1644 về dự thảo sửa đổi Quy định về thực phẩm an toàn cho người Ca-na-đa. Dự thảo quy định cơ chế miễn trừ có mục tiêu, áp dụng một lần và trong thời hạn nhất định, cho phép vận chuyển và bán khối lượng nhỏ thịt đỏ giữa các tỉnh khi xảy ra tình trạng thiếu công suất giết mổ. Các

yêu cầu hiện hành đối với thực phẩm sản xuất, chế biến để xuất khẩu tiếp tục được áp dụng.

Nội dung các thông báo còn lại ban hành MRL đối với fluoxapiprolin, ethiprole và spidoxamat trong hoặc trên một số hàng hóa, gồm rau ăn lá, hành, rau họ cải, rau họ bầu bí, quả nhỏ leo giàn, quả có mùi, quả dạng táo, quả hạch, nhóm hạt, thân mía và một số sản phẩm có nguồn gốc động vật.

(Thông tin tóm tắt các thông báo tại phụ lục kèm theo)

Văn phòng SPS Việt Nam trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng (để báo cáo);
- TTr. Võ Văn Hưng (để báo cáo);
- TTr. Nguyễn Hoàng Hiệp (để báo cáo);
- TTr. Nguyễn Quốc Trị (để báo cáo);
- Các Cục: CN&TY; TT&BVTV; CCPT; LNKI; TSKN;
- Cục XNK (Bộ CT); Cục ATTP (Bộ YT);
- Văn phòng TBT Việt Nam (Bộ KH&CN);
- Sở NN&MT các tỉnh/thành phố;
- Các hiệp hội, ngành hàng;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Xuân Nam

Phụ lục
DANH SÁCH THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM
VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)
TỪ NGÀY 01/7 - 15/7/2026

(Kèm theo Thông báo số 518 /TB-SPS-BNNMT ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng SPS Việt Nam)

1. Danh sách thông báo dự thảo lấy ý kiến góp ý

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/SLV/152	CNTY, CCPT	Ên Xan-va-đo	15/7/2026	Ên Xan-va-đo dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật RTS 65.03.02:26 về thực hành vệ sinh và hệ thống phân tích môi nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) đối với cơ sở chế biến mật ong dùng làm thực phẩm cho người.	Ên Xan-va-đo dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật RTS 65.03.02:26 về thực hành vệ sinh và hệ thống phân tích môi nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) đối với cơ sở chế biến mật ong dùng làm thực phẩm cho người. Quy chuẩn áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân được Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi Ên Xan-va-đo cấp phép thực hiện hoạt động tiếp nhận, chế biến, đóng gói, bảo quản và vận chuyển mật ong trên lãnh thổ nước này. Theo đó, cơ sở chế biến phải đáp ứng các yêu cầu về điều kiện vệ sinh, thiết bị và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm, chất lượng nước, tiếp nhận và lọc mật ong, vệ sinh và sức khỏe người lao động, quản lý nhà cung cấp và truy xuất nguồn gốc. Mật ong chỉ được tiếp nhận từ người nuôi ong có mã số còn hiệu lực; các thùng chứa phải ghi mã người nuôi ong, ngày thu hoạch và vị trí trại ong, đồng thời phải lấy mẫu lưu để phục vụ truy xuất. Cơ sở được phép xuất khẩu mật ong phải tiếp nhận nguyên liệu từ người nuôi ong đáp ứng yêu cầu kiểm tra, cung cấp đầy đủ thông tin mùa vụ và áp dụng hệ thống HACCP theo 05 bước chuẩn bị và 07 nguyên tắc.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Cơ sở cũng phải cho phép lấy mẫu phục vụ Chương trình quốc gia về kiểm soát dư lượng, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và chịu chi phí lấy mẫu, phân tích theo quy định. Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi Ên Xan-va-đo sẽ kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy chuẩn. Quy chuẩn dự kiến có hiệu lực sau 03 tháng kể từ ngày được công bố trên Công báo; ngày thông qua và công bố cụ thể chưa được xác định. Thời hạn góp ý trước ngày 13/9/2026.
2	G/SPS/N/CAN/1645	CNTY	Ca-na-đa	15/7/2026	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi một số quy định nhằm hài hòa lệnh cấm tăng cường đối với thức ăn chăn nuôi.	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi một số quy định nhằm hài hòa lệnh cấm tăng cường đối với thức ăn chăn nuôi với bối cảnh dịch tễ học hiện nay và yêu cầu quản lý của Hoa Kỳ. Các quy định hiện hành được xây dựng gần 20 năm trước và chưa phản ánh đầy đủ tình hình dịch tễ học hiện nay, đặc biệt sau khi Ca-na-đa được Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH) công nhận có nguy cơ không đáng kể đối với bệnh não xốp ở bò (bovine spongiform encephalopathy – BSE) từ năm 2021. Dự thảo cho phép sử dụng một nhóm vật liệu có nguy cơ được chỉ định đủ điều kiện (eligible specified risk material – ESRM) trong thức ăn cho động vật không nhai lại, thức ăn cho thú cưng và phân bón theo các điều kiện nhất định. Toàn bộ vật liệu có nguy cơ được chỉ định (specified risk material – SRM) tiếp tục bị cấm sử dụng trong thực phẩm và thức ăn cho động vật nhai lại.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						ESRM gồm hộp sọ, mắt, amidan, hạch sinh ba và hạch rỗng lưng của bò từ 30 tháng tuổi trở lên, cùng đoạn cuối hồi tràng của bò ở mọi độ tuổi. Não và tủy sống của bò từ 30 tháng tuổi trở lên không thuộc ESRM và tiếp tục chịu đầy đủ các yêu cầu kiểm soát hiện hành đối với SRM có nguy cơ cao. Cơ sở giết mổ hoặc chế biến lựa chọn tách và chuyển hướng ESRM của bò từ 30 tháng tuổi trở lên phải được Cơ quan Thanh tra thực phẩm Ca-na-đa cấp giấy phép và chứng minh khả năng phân tách ESRM khỏi các SRM có nguy cơ cao. Không yêu cầu giấy phép mới khi cơ sở chỉ chuyển hướng đoạn cuối hồi tràng của bò dưới 30 tháng tuổi. Sau khi được phân tách, ESRM tiếp tục được quản lý như vật liệu bị cấm theo các yêu cầu hiện hành, bao gồm lệnh cấm sử dụng trong thức ăn cho động vật nhai lại và các quy định về cơ sở xử lý, lưu giữ hồ sơ, thu hồi, ghi nhãn, kiểm tra và thực thi. Để thực hiện các thay đổi này, Ca-na-đa đề xuất sửa đổi Quy định về sức khỏe động vật, Quy định về thức ăn chăn nuôi năm 2024 và Quy định về phân bón. Một số nội dung của Quy định về thực phẩm an toàn cho người Ca-na-đa và Quy định về thực phẩm và dược phẩm cũng được đề xuất sửa đổi hoặc bãi bỏ nhằm bảo đảm tính thống nhất giữa các khuôn khổ pháp lý.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Các đánh giá khoa học cập nhật cho thấy việc cho phép sử dụng ESRM trong thức ăn cho động vật không nhai lại, thức ăn cho thú cưng và phân bón không làm gia tăng nguy cơ đối với sức khỏe con người hoặc động vật khi các biện pháp kiểm soát hiện hành tiếp tục được duy trì. Mục tiêu của dự thảo là bảo vệ sức khỏe động vật, đồng thời giảm thiểu tác động hành chính, giảm gánh nặng tuân thủ và hài hòa hơn với yêu cầu của Hoa Kỳ. Dự thảo phù hợp với Chương 11.4 của Bộ luật Sức khỏe động vật trên cạn của WOAH. Quy định dự kiến được thông qua và công bố trong vòng 12–18 tháng kể từ khi dự thảo được đăng tại Phần I Công báo Ca-na-đa và có hiệu lực vào ngày được đăng ký và công bố tại Phần II Công báo Ca-na-đa. Thời hạn cuối góp ý trước ngày 13/9/2026.
3	G/SPS/N/CHL/891	CNTY	Chi-lê	14/7/2026	Chi-lê dự thảo Nghị quyết quy định yêu cầu vệ sinh thú y đối với việc nhập khẩu thịt lợn ướp lạnh hoặc đông lạnh, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 3.397 năm 1998. Phạm vi áp dụng bao gồm thịt lợn nguyên miếng, thịt băm, thịt xay, thịt tách cơ học và thịt lợn tẩm ướp.	Chi-lê dự thảo Nghị quyết quy định yêu cầu vệ sinh thú y đối với việc nhập khẩu thịt lợn ướp lạnh hoặc đông lạnh, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 3.397 năm 1998. Phạm vi áp dụng bao gồm thịt lợn nguyên miếng, thịt băm, thịt xay, thịt tách cơ học và thịt lợn tẩm ướp. Dự thảo cập nhật các điều kiện nhập khẩu nhằm phòng ngừa nguy cơ đưa các bệnh truyền nhiễm ở động vật vào Chi-lê, duy trì mức bảo vệ thích hợp và phù hợp với các khuyến nghị của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH).

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Theo đó, cơ quan thú y có thẩm quyền của nước xuất khẩu phải được Cơ quan Nông nghiệp và Chăn nuôi Chile (SAG) đánh giá đạt yêu cầu. Quốc gia, vùng hoặc ngăn dịch tễ xuất xứ phải được WOAHA công nhận chính thức là sạch bệnh lở mồm long móng, có hoặc không áp dụng tiêm phòng, và sạch dịch tả lợn cổ điển trong điều kiện không tiêm phòng; đồng thời phải đáp ứng các quy định của Bộ luật Sức khỏe động vật trên cạn của WOAHA để được coi là sạch dịch tả lợn châu Phi. Các điều kiện dịch bệnh này phải được SAG đánh giá và chấp thuận. Lợn phải được sinh ra, nuôi dưỡng và giết mổ tại nước xuất khẩu hoặc đã lưu trú tại nước xuất khẩu ít nhất 3 tháng trước ngày giết mổ. Động vật không được tiếp xúc trong 90 ngày trước khi giết mổ với động vật đến từ quốc gia hoặc vùng không được công nhận đạt yêu cầu về tình trạng dịch bệnh; phải được nuôi tách biệt với động vật móng guốc hoang dã từ khi sinh ra; đồng thời phải được kiểm tra trước và sau giết mổ dưới sự giám sát thú y chính thức, được xác định không mắc bệnh truyền nhiễm và đủ điều kiện dùng làm thực phẩm. Cơ sở xuất phát của động vật không được xảy ra các bệnh truyền nhiễm thuộc diện áp dụng biện pháp hạn chế vệ sinh thú y trong 6 tháng trước ngày giết mổ; không ghi nhận bệnh mụn nước ở lợn hoặc viêm miệng mụn nước trong thời gian này. Cơ sở xuất phát của động vật và cơ sở sản xuất thịt không được nằm trong khu vực đang bị kiểm soát hoặc hạn chế do dịch bệnh; tại cơ sở và trong phạm vi bán kính 10 km xung quanh, kể cả phần

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						lãnh thổ của nước láng giềng nếu có, không được ghi nhận bệnh lở mồm long móng, dịch tả lợn cổ điển hoặc dịch tả lợn châu Phi. Cơ sở giết mổ, chế biến và bảo quản phải được cơ quan thú y có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp phép và được SAG phê duyệt. Thịt không được có nguồn gốc từ động vật bị giết mổ trong khuôn khổ chương trình kiểm soát hoặc thanh toán dịch bệnh và phải đáp ứng các yêu cầu của nước xuất khẩu đối với thịt dùng làm thực phẩm. Trong quá trình giết mổ, chế biến và đóng gói, phải áp dụng biện pháp ngăn ngừa tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với sản phẩm có nguồn gốc từ động vật có tình trạng dịch bệnh thấp hơn. Đối với <i>Trichinella</i>, thịt phải có nguồn gốc từ lợn thuộc ngăn dịch tễ có nguy cơ nhiễm không đáng kể theo Bộ luật của WOA, hoặc lợn đã được xét nghiệm phát hiện ấu trùng <i>Trichinella</i> spp. với kết quả âm tính, hoặc thịt đã được xử lý bằng phương pháp bảo đảm vô hoạt ấu trùng. Thịt ướp lạnh phải được bảo quản và vận chuyển ở nhiệt độ từ 0°C đến 7°C; thịt đông lạnh ở nhiệt độ không cao hơn -18°C. Sản phẩm phải được đóng trong bao bì mới, niêm phong kín; bao bì trực tiếp phải ghi nước xuất khẩu, tên và mã số chính thức của cơ sở, thông tin nhận diện sản phẩm, số lô hoặc ngày sản xuất. Phương tiện hoặc khoang vận chuyển phải được cơ quan có thẩm quyền niêm phong, bảo đảm cách ly sản phẩm, duy trì nhiệt độ và điều kiện vệ sinh. Số hoặc mã niêm phong phải truy xuất được với Giấy chứng nhận thú y quốc tế.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Mỗi lô hàng phải kèm Giấy chứng nhận thú y quốc tế (CVI) do cơ quan thú y có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp bằng tiếng Tây Ban Nha và ngôn ngữ chính thức của nước xuất khẩu. CVI phải thể hiện các điều kiện vệ sinh thú y cụ thể và các thông tin phục vụ truy xuất như cơ quan cấp, nước xuất khẩu, nhà xuất khẩu và nhập khẩu, cơ sở giết mổ, chế biến hoặc bảo quản, ngày giết mổ, số lô hoặc ngày sản xuất, số lượng, khối lượng, điều kiện nhiệt độ và mã niêm phong phương tiện. Khi lô hàng đến Chi-lê, SAG có thể áp dụng các biện pháp kiểm tra và thủ tục bổ sung trên cơ sở có căn cứ; chi phí do bên liên quan chi trả. Dự thảo dự kiến được công bố khoảng 80 ngày kể từ ngày thông báo và có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày đăng trên Công báo Chi-lê; trong thời gian chuyển tiếp, Nghị quyết số 3.397 năm 1998 tiếp tục được áp dụng. Thời hạn cuối góp ý trước ngày 13/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
4	G/SPS/N/NOR/41	TTBVTV	Na Uy	14/7/2026	Na Uy dự thảo sửa đổi Quy định về thực vật và biện pháp phòng trừ sinh vật gây hại, đồng thời sửa đổi Quy định cấm nhập khẩu động vật và vật thể có khả năng mang mầm bệnh.	Na Uy dự thảo sửa đổi Quy định về thực vật và biện pháp phòng trừ sinh vật gây hại, đồng thời sửa đổi Quy định cấm nhập khẩu động vật và vật thể có khả năng mang mầm bệnh. Theo đó, Na Uy dự kiến sửa đổi Quy định ngày 01/12/2000 số 1333 về thực vật và biện pháp phòng trừ sinh vật gây hại. Nội dung sửa đổi bao gồm bổ sung, cập nhật định nghĩa một số thuật ngữ; điều chỉnh danh mục sinh vật gây hại được quản lý; phân chia các danh mục hiện hành thành nhóm dịch hại kiểm dịch và dịch hại thông thường thuộc diện điều chỉnh; bãi bỏ một số sinh vật gây hại khỏi diện quản lý; đồng thời ban hành Phụ lục 1 mới về dịch hại kiểm dịch và Phụ lục 2 mới về dịch hại thông thường thuộc diện điều chỉnh. Dự thảo bãi bỏ Phụ lục 4 hiện hành và ban hành các phụ lục mới. Trong đó, Phụ lục 4B quy định các yêu cầu cụ thể đối với sản xuất trong nước và kinh doanh một số thực vật, sản phẩm thực vật và vật thể khác nhằm ngăn ngừa sự lây lan của dịch hại kiểm dịch; Phụ lục 4C quy định các yêu cầu cụ thể đối với một số thực vật để trồng,

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						dù được nhập khẩu hay sản xuất trong nước, nhằm ngăn ngừa sự hiện diện của dịch hại thông thường thuộc diện điều chỉnh. Đối với nhập khẩu, Na Uy sửa đổi Phụ lục 3 về thực vật, sản phẩm thực vật và vật thể khác bị cấm nhập khẩu nếu có xuất xứ từ một số khu vực; đồng thời tổ chức lại và sửa đổi Phụ lục 4A về yêu cầu cụ thể đối với nhập khẩu một số thực vật, sản phẩm thực vật và vật thể khác. Dự thảo cũng bãi bỏ các quy định riêng về biện pháp phòng trừ <i>Phytophthora ramorum</i>, bệnh thối nâu khoai tây và nhập khẩu khoai tây thương phẩm từ Ai Cập; đồng thời ban hành Phụ lục 13 mới về yêu cầu cụ thể đối với nhập khẩu và bán khoai tây thương phẩm (<i>Solanum tuberosum</i>) từ Ai Cập. Dự thảo sửa đổi quy định về các lô hàng phải kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, bổ sung quy định cho phép sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật điện tử, đồng thời sửa đổi và tổ chức lại Phụ lục 5A về thực vật, sản phẩm thực vật và vật thể thuộc diện quản lý phải kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật khi nhập khẩu. Phụ lục 9 hiện hành về các loài thực vật được miễn yêu cầu chứng nhận kiểm dịch thực vật sẽ bị bãi bỏ. Ngoài ra, Na Uy sửa đổi yêu cầu về nội dung tuyên bố bổ sung trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật; quy định về thông báo trước khi nhập khẩu, kiểm tra khi tiếp nhận lô hàng, điều kiện bán hoặc sử dụng hàng hóa nhập khẩu và nghĩa vụ báo cáo khi phát hiện hoặc nghi ngờ có dịch hại. Dự thảo cũng điều chỉnh yêu cầu về tuyên

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						bổ xác nhận việc làm sạch và khử trùng đối với máy móc, dụng cụ và thiết bị nông nghiệp đã qua sử dụng khi nhập khẩu. Dự thảo có mục tiêu bảo vệ thực vật và bảo vệ lãnh thổ khỏi các thiệt hại khác do sinh vật gây hại; có tham chiếu các tiêu chuẩn ISPM số 1, 4, 5, 10, 12, 16, 19, 40 và 41 và được Na Uy xác định là phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế liên quan. Dự thảo dự kiến được thông qua và công bố vào cuối năm 2026, có hiệu lực vào đầu năm 2027. Thời hạn góp ý trước ngày 01/10/2026.
5	G/SPS/N/IND/354	TTBVTV, BCT	Ấn Độ	10/7/2026	Ấn Độ dự thảo sửa đổi Quy định về An toàn và Tiêu chuẩn thực phẩm đối với tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm và phụ gia thực phẩm năm 2011.	Ấn Độ dự thảo sửa đổi Quy định về An toàn và Tiêu chuẩn thực phẩm đối với tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm và phụ gia thực phẩm năm 2011. Dự thảo tập trung vào việc bổ sung tiêu chuẩn đối với một số loại dầu hạt, hạt dùng làm thực phẩm và việc sử dụng phụ gia potassium polyaspartate trong rượu vang nho. Theo đó, dự thảo bổ sung tiêu chuẩn đối với dầu hạt ốt, dầu hạt dưa lưới, dầu hạt đậu bắp và dầu hạt cà chua. Các loại dầu phải được sản xuất từ hạt sạch, nguyên vẹn và trưởng thành, không bị ôi, không chứa chất pha trộn, cặn, tạp chất lơ lửng hoặc tạp chất ngoại lai khác, nước tách lớp, chất tạo màu, hương liệu bổ sung hoặc dầu khoáng. Dự thảo quy định các chỉ tiêu chất lượng riêng đối với dầu ép lạnh, dầu nguyên chất và dầu tinh luyện, bao gồm hàm lượng chất bay hơi, tạp chất không tan, hàm lượng xà phòng, chỉ số axit, sắt và đồng. Dầu không được xuất hiện độ đục sau khi mẫu đã lọc được giữ ở 30°C trong 24 giờ và phải cho kết quả âm tính với dầu Argemone.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Trường hợp dầu được chiết xuất bằng dung môi hexane, sản phẩm chỉ được cung cấp để sử dụng làm thực phẩm cho người sau khi tinh luyện và không được chứa quá 5 mg/kg hexane. Dầu sản xuất bằng phương pháp ép không được có dư lượng hexane. Phụ gia thực phẩm được phép sử dụng trong dầu tinh luyện theo quy định tại Phụ lục A, nhưng không được sử dụng trong dầu ép. Dự thảo đồng thời bổ sung tiêu chuẩn đối với hạt dùng trực tiếp làm thực phẩm, bao gồm hạt rau quả như hạt dưa hấu, dưa chuột, dưa lưới, bí ngô và hạt có dầu như hạt hướng dương, vừng, hạt lanh. Sản phẩm có thể ở dạng sống, rang, phủ hoặc ướp muối và có thể bổ sung chất tạo ngọt, gia vị hoặc các thành phần phù hợp khác. Sản phẩm phải nguyên vẹn, sạch, đủ khô, đồng đều về màu sắc, không bị ôi và không có côn trùng sống hoặc chết, tạp chất nhìn thấy được, nấm mốc nhìn thấy được, ô nhiễm do động vật gặm nhấm hoặc chất tạo màu bổ sung. Hàm lượng ẩm tối đa là 8,0%; axit béo tự do tối đa là 1,25% tính theo chất khô; tạp chất vô cơ và hữu cơ tối đa là 0,1%. Bên cạnh đó, Ấn Độ đề xuất cho phép sử dụng potassium polyaspartate, mã INS 456, trong nhóm rượu vang nho với mức tối đa 100 mg/kg. Thời hạn cuối góp ý trước ngày 08/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
6	G/SPS/N/EU/963	TTBVTV, CNTY	Liên minh châu Âu	10/7/2026	Liên minh châu Âu (EU) dự thảo sửa đổi các Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 đối với mức dư lượng tối đa của hoạt chất diazinon trong hoặc trên một số sản phẩm	Liên minh châu Âu (EU) dự thảo sửa đổi các Phụ lục II và III Quy định (EC) số 396/2005 đối với mức dư lượng tối đa của hoạt chất diazinon trong hoặc trên một số sản phẩm. Diazinon không còn được EU phê duyệt sử dụng trong thuốc bảo vệ thực vật, nhưng vẫn có một số mục đích sử dụng được cấp phép trong thuốc thú y. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (EFSA), dữ liệu hiện có không đủ để xác nhận các giá trị tham chiếu độc tính theo yêu cầu mới nhất. EFSA đã tổ chức tham vấn các bên liên quan nhưng không nhận được thông tin phù hợp để xác nhận các giá trị này; do đó, không thể hoàn tất đánh giá nguy cơ đối với người tiêu dùng. Đối với sản phẩm có nguồn gốc thực vật, EU đề xuất hạ MRL xuống giới hạn định lượng đối với hành nhân từ 0,05 xuống 0,01* mg/kg; nam việt quất từ 0,2 xuống 0,01* mg/kg; dưa từ 0,3 xuống 0,01* mg/kg; củ cải từ 0,1 xuống 0,01* mg/kg; hành tây và ớt chuông từ 0,05 xuống 0,01* mg/kg; ngô ngọt từ 0,02 xuống 0,01* mg/kg; cải thảo từ 0,05 xuống 0,01* mg/kg; su hào từ 0,2 xuống 0,01* mg/kg; hoa bia từ 0,5 xuống 0,05* mg/kg; gia vị từ hạt từ 5 xuống 0,05* mg/kg; cam thảo, nghệ và nhóm các loại khác thuộc gia vị từ rễ và thân rễ từ 0,5 xuống 0,05* mg/kg (không bao gồm gừng và củ nghệ); củ cải đường từ 0,1 xuống 0,01* mg/kg.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Dự thảo đồng thời điều chỉnh một số giới hạn định lượng khác theo khả năng phân tích của các phòng thí nghiệm tham chiếu của EU. Đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật, EU đề xuất hạ MRL đối với mỡ lợn từ 0,7 xuống 0,01* mg/kg; thịt xẻ và nội tạng ăn được khác của gia cầm từ 0,02 xuống 0,01* mg/kg; sữa bò, sữa ngựa và sữa của các loài khác từ 0,02 xuống 0,01* mg/kg. MRL đối với gan và thận của lợn, bò, cừu và dê được hạ từ 0,03 xuống 0,02 mg/kg để phù hợp với Quy định (EU) số 37/2010. Riêng giới hạn định lượng đối với mật ong và các sản phẩm nuôi ong được điều chỉnh từ 0,01* lên 0,05* mg/kg. Một số MRL đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật tiếp tục được duy trì trên cơ sở các mục đích sử dụng thuốc thú y được cấp phép, gồm thịt xẻ của lợn, bò, cừu và dê ở mức 0,02 mg/kg; mỡ bò, cừu và dê ở mức 0,7 mg/kg; sữa cừu và sữa dê ở mức 0,02 mg/kg. Dự thảo đồng thời chuyển các MRL của diazinon đang được quy định tại Phần B Phụ lục III sang Phụ lục II. Quy định hiện hành tiếp tục được áp dụng đối với sản phẩm được sản xuất tại EU hoặc nhập khẩu vào EU trước thời điểm các MRL mới bắt đầu được áp dụng. Dự thảo dự kiến được thông qua ngày 01/02/2027, công bố ngày 01/03/2027, có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố và được áp dụng sau 06 tháng kể từ ngày có hiệu lực. Thời hạn cuối góp ý trước ngày 08/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
7	G/SPS/N/SGP/92	CNTY	Xin-ga-po	10/7/2026	Xin-ga-po sửa đổi yêu cầu nhập khẩu đối với thức ăn chăn nuôi có chứa thịt hoặc sản phẩm thịt.	Xin-ga-po sửa đổi yêu cầu nhập khẩu đối với thức ăn chăn nuôi có chứa thịt hoặc sản phẩm thịt. Theo đó, Xin-ga-po đã hoàn tất việc rà soát điều kiện nhập khẩu đối với nhóm sản phẩm này và dự kiến chuẩn hóa yêu cầu nhập khẩu áp dụng cho tất cả các nước, trong đó bãi bỏ yêu cầu công nhận đối với nguồn và sản phẩm. Các nội dung xác nhận về dịch bệnh động vật được điều chỉnh phù hợp với hướng dẫn mới nhất của Tổ chức Thú y thế giới (WOAH), qua đó tạo thuận lợi thương mại đồng thời bảo đảm bảo vệ sức khỏe con người. Các nội dung xác nhận trên Giấy chứng nhận sức khỏe được quy định riêng theo từng loại thịt. Đối với thức ăn chăn nuôi có chứa thịt bò, động vật cung cấp thịt phải được nhận diện thông qua hệ thống nhận dạng động vật và được kiểm tra trước giết mổ với kết quả đạt yêu cầu. Các điều kiện cụ thể tiếp theo được áp dụng căn cứ mức rủi ro bệnh não xốp ở bò (BSE) của quốc gia, vùng hoặc cơ sở chăn nuôi, bao gồm yêu cầu về phương pháp gây choáng, giết mổ, loại trừ các vật liệu có nguy cơ BSE và thịt tách bằng phương pháp cơ học trong những trường hợp tương ứng. Đối với thức ăn chăn nuôi có chứa bột thịt và xương hoặc bột protein có nguồn gốc từ bò, động vật cung cấp nguyên liệu phải được nhận diện và được sinh ra, nuôi tại quốc gia, vùng hoặc cơ sở chăn nuôi có rủi ro BSE không đáng kể. Đồng thời, động vật phải được sinh ra sau thời điểm nguy cơ tác nhân BSE tái lưu hành trong quần thể bò được chứng minh là không đáng kể, hoặc bột protein phải được xử lý phù hợp với Điều

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						11.4.19 của Bộ luật Sức khỏe động vật trên cạn của WOA. Đối với thức ăn chăn nuôi có chứa thịt bò hoặc thịt cừu, Giấy chứng nhận sức khỏe phải xác nhận nước xuất khẩu không có bệnh lở mồm long móng trong 06 tháng trước ngày xuất khẩu, hoặc xác nhận quy trình xử lý đủ khả năng bất hoạt vi-rút gây bệnh. Đối với sản phẩm có chứa gia cầm, phải xác nhận nước xuất khẩu không có cúm gia cầm độc lực cao và bệnh Newcastle, hoặc quy trình xử lý đủ khả năng bất hoạt các vi-rút này. Đối với sản phẩm có chứa thịt lợn, phải xác nhận nước xuất khẩu không có bệnh lở mồm long móng, dịch tả lợn châu Phi và dịch tả lợn cổ điển, hoặc quy trình xử lý đủ khả năng bất hoạt các vi-rút liên quan. Mỗi lô hàng phải kèm theo Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan thú y của nước xuất khẩu cấp, trong đó cung cấp thông tin về nhà nhập khẩu, nhà sản xuất, cơ sở sản xuất được cơ quan thú y phê duyệt, quy trình sản xuất, tên thương mại, thông tin lô hàng và ngày sản xuất, loài động vật cung cấp nguyên liệu, dạng sản phẩm ướt hoặc khô và loại bao bì. Sản phẩm cuối cùng phải được đóng gói tại cơ sở sản xuất trong bao bì mới, đã được khử trùng và có biện pháp phòng ngừa ô nhiễm. Khi khai báo trên hệ thống TradeNet, nhà nhập khẩu phải nộp bản gốc Giấy chứng nhận sức khỏe, hóa đơn, phiếu đóng gói, bản khai của nhà sản xuất, vận đơn đường biển hoặc vận đơn hàng không và các tài liệu liên quan; đồng thời sử dụng đúng mã HS và mã sản phẩm. Dự thảo dự kiến được thông qua và công bố vào tháng 9/2026, có hiệu lực sau 06 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn cuối góp ý trước ngày 08/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
8	G/SPS/N/BRA/2506	TTBVT	Bra-xin	09/7/2026	Bra-xin thông báo dự thảo quy định yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với hạt giống <i>Brassica rapa</i> nhập khẩu. Quy định áp dụng đối với hạt giống thuộc Nhóm 4, có xuất xứ từ mọi quốc gia.	Bra-xin thông báo dự thảo quy định yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với hạt giống <i>Brassica rapa</i> nhập khẩu. Quy định áp dụng đối với hạt giống thuộc Nhóm 4, có xuất xứ từ mọi quốc gia. Theo dự thảo, yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với loài <i>Brassica rapa</i> áp dụng cho tất cả các phân loài của loài này. Dự thảo cũng làm rõ một số tên đồng nghĩa, trong đó <i>Brassica campestris</i> được coi là đồng nghĩa với <i>Brassica rapa</i> subsp. <i>sylvestris</i>; <i>Brassica campestris</i> var. <i>pekinensis</i> là đồng nghĩa với <i>Brassica rapa</i> subsp. <i>pekinensis</i>; và <i>Brassica campestris</i> var. <i>chinensis</i> là đồng nghĩa với <i>Brassica rapa</i> subsp. <i>chinensis</i>. Mỗi lô hàng phải kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia (NPPO) của nước xuất xứ cấp. Giấy chứng nhận phải có tuyên bố bổ sung xác nhận lô hàng đã được kiểm tra và không nhiễm <i>Trogoderma granarium</i> và <i>Trogoderma variabile</i>; đồng thời không nhiễm <i>Colletotrichum higginsianum</i>, <i>Ditylenchus dipsaci</i>, <i>Pseudomonas cannabina</i> pv. <i>alisalensis</i>, <i>Spiroplasma citri</i>, <i>Tobamovirus plantagonis</i> và <i>Verticillium longisporum</i> theo kết quả phân tích của phòng thí nghiệm chính thức. Căn cứ tình trạng dịch hại trên lãnh thổ của mình, nước xuất xứ có thể sử dụng tuyên bố bổ sung thay thế, xác nhận dịch hại kiểm dịch liên quan vắng mặt hoặc không hiện diện tại nước xuất xứ. Các tuyên bố bổ sung dự kiến sử dụng phải được thông báo trước và được NPPO Bra-xin chấp thuận; trường hợp chưa được chấp thuận, nước xuất xứ phải áp dụng các tuyên bố bổ sung nêu trên.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Nước xuất xứ cũng phải thông báo cho NPPO Bra-xin về mọi thay đổi trong tình trạng dịch hại trên lãnh thổ của mình. Ngoài ra, lô hàng phải không có hạt cỏ dại kiểm dịch và thực vật ký sinh thuộc diện kiểm dịch của Bra-xin; đồng thời thuộc diện kiểm tra kiểm dịch thực vật và lấy mẫu để phân tích tại phòng thí nghiệm chính thức hoặc phòng thí nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi Bra-xin công nhận. Chi phí gửi mẫu và phân tích do bên liên quan chi trả. Trường hợp phát hiện dịch hại kiểm dịch hoặc sinh vật gây hại có nguy cơ kiểm dịch đối với Bra-xin, lô hàng sẽ bị tiêu hủy hoặc tái xuất và NPPO của nước xuất xứ sẽ được thông báo. Bra-xin có thể tạm dừng nhập khẩu hạt giống <i>Brassica rapa</i> cho đến khi hoàn tất rà soát đánh giá nguy cơ dịch hại tương ứng. Lô hàng không đáp ứng các yêu cầu của quy định sẽ không được phép nhập khẩu. Dự thảo quy định thời gian chuyển tiếp 180 ngày đối với hạt giống <i>Brassica rapa</i> có xuất xứ từ Nam Phi, Ô-xtrây-li-a, Hàn Quốc, Đan Mạch, Hoa Kỳ, Pháp, I-ta-li-a, Nhật Bản, Mê-hi-cô, Hà Lan và Vương quốc Anh để NPPO của các nước này điều chỉnh quy trình thực hiện. Trong thời gian chuyển tiếp, các yêu cầu đang có hiệu lực tại thời điểm quy định mới bắt đầu có hiệu lực tiếp tục được áp dụng. Ba văn bản SDA/MAPA số 1.029 ngày 05/3/2024, số 1.069 ngày 11/3/2024 và số 1.098 ngày 18/4/2024 sẽ bị bãi bỏ sau 180 ngày kể từ ngày quy định mới có hiệu lực. Thời hạn gửi ý kiến góp ý trước ngày 07/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
9	G/SPS/N/ISR/12/Rev.3	TTBVTV, CNTY, CCPT, BCT, ATTP	I-xra-en	07/7/2026	I-xra-en dự thảo sửa đổi lần 3 về việc áp dụng tại I-xra-en các thay đổi của Liên minh châu Âu đối với Quy định (EC) số 396/2005 về mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.	I-xra-en dự thảo sửa đổi lần 3 về việc áp dụng tại I-xra-en các thay đổi của Liên minh châu Âu đối với Quy định (EC) số 396/2005 về mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Theo đó, đề xuất áp dụng các thay đổi mới của Liên minh châu Âu đối với Quy định (EC) số 396/2005, không kèm sửa đổi, điều kiện, ngoại lệ hoặc mở rộng, đồng thời tiếp tục duy trì các ngoại lệ đã được quy định trong pháp luật I-xra-en. Nội dung chính là sửa đổi mức dư lượng tối đa đối với nhiều hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật thông qua việc cập nhật các Phụ lục II, III, IV và V của Quy định (EC) số 396/2005. Dự thảo bao gồm 06 quy định của Liên minh châu Âu. Trong đó, Quy định (EU) 2026/140 cập nhật MRL đối với acequinocyl, chlormequat, metalaxyl-M, pyraclostrobin, sulfoxaflor và trifloxystrobin; Quy định (EU) 2026/147 điều chỉnh MRL đối với benfluralin, benthiavalicarb và penflufen, gồm việc chuyển các hoạt chất này sang Phụ lục V và áp dụng mức giới hạn phát hiện hoặc mức mặc định thấp hơn đối với một số trường hợp; Quy định (EU) 2026/215 điều chỉnh MRL đối với dimoxystrobin, ethephon và propamocarb, trong đó có việc giảm một số MRL do thay đổi tình trạng phê duyệt hoạt chất hoặc kết quả đánh giá dữ liệu an toàn. Đồng thời, Quy định (EU) 2026/742 cập nhật MRL đối với cyflufenamid, fenazaquin và nicotine; Quy định (EU) 2026/752 bổ sung một số chất vào Phụ lục IV là danh mục các chất được miễn yêu cầu MRL, gồm Allium

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						fistulosum dạng đã xử lý, dịch phân giải Willaertia magna, magnesium hydroxide E528, Onobrychis viciifolia dạng viên khô và chiết xuất hạt Vitis vinifera L. Quy định (EU) 2026/751 đính chính quy định liên quan đến MRL đối với flupyradifurone và potassium phosphonate. Dự thảo có thời điểm áp dụng khác nhau theo từng nhóm thay đổi: các mục 31, 34, 35 và 36 (tương ứng với các Quy định EU nêu trên) dự kiến áp dụng từ ngày 15/7/2026; mục 32 từ ngày 12/8/2026; mục 33 từ ngày 19/8/2026. Đối với mục 33, quy định chuyển tiếp không áp dụng đối với dư lượng ethephon trong hoặc trên táo và việt quất, cũng như dư lượng propamocarb trong hoặc trên rau diếp. Thời hạn cuối góp ý trước ngày 05/9/2026.
10	G/SPS/N/ISR/12/Rev.2	TTBVTV	I-xra-en	06/7/2026	I-xra-en dự thảo Lệnh về Bảo vệ sức khỏe cộng đồng trong lĩnh vực thực phẩm, sửa đổi Phụ lục II A liên quan đến việc áp dụng các mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật (MRL) mở rộng so với mức quy định tại Quy định (EC) số 396/2005 của Liên minh châu Âu.	I-xra-en dự thảo Lệnh về Bảo vệ sức khỏe cộng đồng trong lĩnh vực thực phẩm, sửa đổi Phụ lục II A liên quan đến việc áp dụng các mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật (MRL) mở rộng so với mức quy định tại Quy định (EC) số 396/2005 của Liên minh châu Âu. Theo đó, dự thảo đề xuất áp dụng các mức MRL mở rộng, cao hơn mức tương ứng tại các Phụ lục II đến V của Quy định (EC) số 396/2005, đối với một số hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật trên các loại cây trồng nhất định. Biện pháp này được xây dựng trên cơ sở cân nhắc rủi ro sức khỏe, môi trường, hiệu quả sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, đồng thời có tính đến sự khác biệt về khí hậu, điều kiện môi trường và mức độ phơi nhiễm giữa I-xra-en và châu Âu.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Đối với nhóm áp dụng tạm thời, dự thảo đồng thời nhằm tạo thời gian chuyển tiếp cho nông dân trong nước thích ứng. Dự thảo chia các mức MRL mở rộng thành 02 nhóm quản lý chính. Nhóm thứ nhất là các mức MRL mở rộng không quy định thời hạn kết thúc cụ thể, được nêu tại Phụ lục I, gồm 24 hoạt chất: Oxadiazon, Oxamyl, Imidacloprid, Indoxacarb, Diuron, Dimethoate, Diquat, Dithiocarbamates, Teflubenzuron, Chlorfluazuron, Lufenuron, Myclobutanil, Methomyl, Phosmet, Pyridalyl, Flubendiamide, Famoxadone, Fenamidone, Fenbuconazole, Prochloraz, Cyromazine, Clofentezine, Thiacloprid và Clothianidin. Nhóm thứ hai là các mức MRL mở rộng áp dụng theo điều khoản tạm thời, được nêu tại Phụ lục II và chia theo 06 giai đoạn chuyển tiếp, gồm các mốc kết thúc: 31/12/2026, 01/5/2027, 31/12/2027, 31/12/2028, 31/12/2029 và 06/3/2029. Nhóm này bao gồm 16 hoạt chất bổ sung không thuộc Phụ lục I, gồm: Tolfenpyrad, Acrinathrin, Benalaxyl, Diafenthiuron, Didecyl Dimethyl Ammonium Chloride, Dimethomorph, Chlorothalonil, Linuron, Novaluron, Pyrimidifen, Cyhexatin, Cyfluthrin, Cyproconazole, Chlorfenapyr, Pymetrozine và Ethoxyquin, cùng một số hoạt chất thuộc Phụ lục I nhưng được áp dụng thời hạn kiểm soát riêng đối với các cây trồng cụ thể. Sau các thời hạn nêu trên, các mức MRL mở rộng theo điều khoản tạm thời hết hiệu lực. Tuy nhiên, thực phẩm được sản xuất tại I-xra-en hoặc nhập khẩu vào I-xra-en trước khi các thời hạn tạm thời kết thúc vẫn được phép

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						tiếp tục lưu thông trên thị trường đến hết hạn sử dụng của sản phẩm; đối với thực phẩm nhập khẩu, ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận giải phóng hàng từ trạm kiểm dịch được coi là ngày nhập khẩu. Lưu ý, theo pháp luật I-xra-en hiện hành, phạm vi áp dụng Quy định (EC) số 396/2005 tại I-xra-en có loại trừ đối với trái cây tươi, rau tươi, thịt sống, sữa tươi nguyên liệu, mật ong và trứng tươi nguyên vỏ. Dự thảo quy định Lệnh có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày công bố, sau khi được Ủy ban Y tế của Nghị viện I-xra-en phê duyệt. Thời hạn cuối góp ý trước ngày 05/9/2026.
11	G/SPS/N/ISR/15	ATTP	I-xra-en	06/7/2026	I-xra-en thông báo dự thảo sửa đổi quy định về chất tạo hương và một số thành phần thực phẩm có đặc tính tạo hương dùng trong và trên thực phẩm.	I-xra-en thông báo dự thảo sửa đổi quy định về chất tạo hương và một số thành phần thực phẩm có đặc tính tạo hương dùng trong và trên thực phẩm. Theo đó, dự thảo đề xuất áp dụng tại I-xra-en các thay đổi mới của Liên minh châu Âu đối với Quy định (EC) số 1334/2008, không kèm sửa đổi, điều kiện, ngoại lệ hoặc mở rộng. Nội dung chính gồm bổ sung hai chất tạo hương vào danh mục được phép sử dụng là 3-[3-(2-isopropyl-5-methyl-cyclohexyl)-ureido]-butyric acid ethyl ester và hesperetin dihydrochalcone; đồng thời cập nhật một số mã số CAS đối với các chất tạo hương đã được phép sử dụng. Đối với 3-[3-(2-isopropyl-5-methyl-cyclohexyl)-ureido]-butyric acid ethyl ester, dự thảo áp dụng Quy định (EU) 2026/172, bổ sung chất này vào danh mục chất tạo hương của EU và sửa mã số CAS của bốn chất tạo hương đã được phép sử dụng. Đối với hesperetin dihydrochalcone, dự thảo áp dụng

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Quy định (EU) 2026/175, bổ sung chất này vào danh mục chất tạo hương của EU, với mức sử dụng tối đa 10 mg/kg đối với một số nhóm thực phẩm cụ thể như sản phẩm sữa và sản phẩm thay thế, bánh quy mặn, đồ uống, sản phẩm từ trái cây và rau. Văn bản dự kiến có hiệu lực từ ngày 15/7/2026. Thời hạn cuối góp ý trước ngày 04/9/2026.
12	G/SPS/N/CHE/103	ATTP, BCT, TTBVTM, CNTY, CCPT	Thụy Sĩ	03/7/2026	Thụy Sĩ dự thảo sửa đổi Quy định đối với vật liệu và đồ vật có khả năng tiếp xúc với thực phẩm.	Thụy Sĩ dự thảo sửa đổi Quy định đối với vật liệu và đồ vật có khả năng tiếp xúc với thực phẩm. Theo đó, dự thảo sửa đổi bổ sung các chất mới được phép sử dụng, điều chỉnh điều kiện và hạn chế sử dụng đối với một số chất đã được cấp phép trong sản xuất vật liệu, bao bì và đồ vật tiếp xúc với thực phẩm. Dự thảo cũng cập nhật Danh mục các chất được phép sử dụng để sản xuất vật liệu và đồ vật bằng nhựa có khả năng tiếp xúc với thực phẩm, sửa đổi giới hạn tối đa cụ thể (Specific Migration Limits - SML), yêu cầu về độ tinh khiết, điều kiện sử dụng, phương pháp đánh giá sự phù hợp và các quy định kiểm nghiệm đối với các chất được phép sử dụng trong vật liệu nhựa tiếp xúc với thực phẩm. Bên cạnh đó, dự thảo sửa đổi các quy định liên quan đến bisphenol A (BPA) và các bisphenol khác trong một số nhóm vật liệu và đồ vật có khả năng tiếp xúc với thực phẩm nhằm phù hợp với các quy định mới của Liên minh châu Âu; đồng thời cập nhật các quy định chuyển tiếp, cho phép một số vật liệu và đồ vật không đáp ứng quy định mới tiếp tục được nhập khẩu, sản xuất, ghi nhãn và lưu thông trong thời gian chuyển tiếp theo các mốc thời gian quy định.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Quy định dự kiến được thông qua ngày 19/6/2026, công bố và có hiệu lực từ 01/8/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 01/9/2026.
13	G/SPS/N/CHE/85/Add.1	ATTP	Thụy Sĩ	03/7/2026	Thụy Sĩ dự thảo sửa đổi quy định về phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm.	Thụy Sĩ dự thảo sửa đổi quy định về phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm. Theo đó, dự thảo cập nhật quy định về phụ gia được phép sử dụng trong các nhóm thực phẩm, đồng thời sửa đổi danh mục và điều kiện sử dụng các chất mang trong phụ gia thực phẩm, enzyme, hương liệu, vitamin, khoáng chất và một số chất khác có tác dụng dinh dưỡng hoặc sinh lý. Ngày 06/5/2021, EFSA công bố đánh giá an toàn cập nhật đối với E 171. Theo đó, E 171 không còn được coi là an toàn để sử dụng làm phụ gia thực phẩm. Đánh giá của EFSA cho thấy titanium dioxide được hấp thu qua đường tiêu hóa ở mức rất thấp nhưng mất nhiều thời gian để đào thải khỏi cơ thể và có khả năng tích tụ trong mô. Trên cơ sở dữ liệu hiện có, chưa thể loại trừ nghi ngờ về khả năng gây đột biến gen của titanium dioxide. Vì vậy, Thụy Sĩ quyết định không tiếp tục cho phép sử dụng phụ gia này trong thực phẩm. Dự thảo cũng điều chỉnh quy định chuyển tiếp. Cụ thể, thực phẩm không đáp ứng quy định sửa đổi mới vẫn được phép nhập khẩu, sản xuất và ghi nhãn theo quy định cũ đến ngày 31/7/2027 và được tiếp tục cung cấp cho người tiêu dùng đến khi hết hàng tồn kho. Riêng thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt dành cho trẻ sơ sinh, trẻ từ bốn tháng tuổi và trẻ nhỏ có chứa octenyl succinate tinh bột natri E 1450 được áp dụng thời gian chuyển tiếp đến ngày 18/02/2028 và được tiếp tục

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						cung cấp cho người tiêu dùng đến khi hết hàng tồn kho. Quy định dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/8/2026. Thời hạn cuối góp ý trước ngày 01/8/2026.
14	G/SPS/N/EU/961	CNTY	Liên minh châu Âu	03/7/2026	Liên minh châu Âu dự thảo Quy định về việc cấp phép sử dụng tinh dầu lá nguyệt quế từ <i>Laurus nobilis</i> L. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho một số loài động vật nhất định.	Liên minh châu Âu dự thảo Quy định về việc cấp phép sử dụng tinh dầu lá nguyệt quế từ <i>Laurus nobilis</i> L. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho một số loài động vật nhất định. Theo dự thảo, tinh dầu lá nguyệt quế từ <i>Laurus nobilis</i> L. được cấp phép sử dụng làm phụ gia thức ăn chăn nuôi, thuộc nhóm “phụ gia cảm quan”, chức năng “hợp chất tạo hương”, theo Quy định (EC) số 1831/2003 về phụ gia sử dụng trong dinh dưỡng động vật. Phụ gia này trước đây đã được cấp phép không thời hạn theo Chỉ thị 70/524/EEC đối với tất cả các loài động vật và được đưa vào Sổ đăng ký phụ gia thức ăn chăn nuôi của EU như một sản phẩm hiện có. Việc cấp phép dựa trên kết luận đánh giá khoa học của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (EFSA). Theo đó, trong các điều kiện sử dụng được đề xuất, tinh dầu lá nguyệt quế từ <i>Laurus nobilis</i> L. không gây quan ngại an toàn đối với động vật sống ngắn ngày, tức động vật nuôi để vỗ béo, và rất ít khả năng gây tác động bất lợi đối với chó, mèo. Việc sử dụng phụ gia này ở mức sử dụng đề xuất cao nhất trong thức ăn cũng được đánh giá là không gây quan ngại đối với người tiêu dùng và không có nguy cơ đối với môi trường. Tuy nhiên, đối với động vật sống dài ngày và động vật sinh sản, bao gồm động vật nuôi để đẻ, nhân giống hoặc sinh sản,

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						việc sử dụng phụ gia ở mức đề xuất 10 mg/kg thức ăn hoàn chỉnh được đánh giá là có quan ngại. Bên nộp hồ sơ sau đó đã rút đề nghị cấp phép đối với tất cả các loài động vật, trừ gà tây vỗ béo, gà vỗ béo và gia cầm nhỏ vỗ béo, lợn vỗ béo, lợn vỗ béo thuộc nhóm Suidae nhỏ, bò vỗ béo, động vật nhai lại khác vỗ béo, lạc đà vỗ béo, thỏ vỗ béo, cá hồi và cá vây nhỏ trừ cá bố mẹ sinh sản, chó và mèo. Trên cơ sở đó, EU dự kiến cấp phép sử dụng phụ gia này đối với các loài/nhóm động vật nêu trên, đồng thời rút phụ gia khỏi thị trường đối với các loài/nhóm động vật không thuộc phạm vi được cấp phép theo Quy định này. Phụ gia không được phép sử dụng trong nước uống do Quy định (EC) số 1831/2003 không cho phép cấp phép “hợp chất tạo hương” để sử dụng trong nước uống. Dự thảo cũng lưu ý methyleugenol, estragole và elemicin, là các chất thuộc nhóm p-allylalkoxybenzenes trong tinh dầu lá nguyệt quế từ <i>Laurus nobilis</i> L, do đó EU dự kiến quy định hàm lượng tối đa của phụ gia này trong thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh. Việc sử dụng đồng thời tinh dầu lá nguyệt quế với các phụ gia thức ăn chăn nuôi khác được phép với điều kiện tổng hàm lượng các chất thuộc nhóm p-allylalkoxybenzenes, gồm methyleugenol, estragole, elemicin, safrole, myristicin, dillapiol và apiol, trong nguyên liệu thức ăn và thức ăn hỗn hợp thấp hơn mức phát sinh từ việc sử dụng phụ gia được cấp phép ở hàm lượng tối đa hoặc hàm lượng tối đa khuyến nghị tương ứng với từng loài/nhóm động vật. Đối với an toàn người sử dụng, EFSA kết luận tinh dầu

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						lá nguyệt quế từ <i>Laurus nobilis</i> L. cần được coi là chất gây kích ứng da, mắt, đường hô hấp và là chất gây mẫn cảm da. Do có hàm lượng methyleugenol cao từ mức $\geq 1\%$, phụ gia này được phân loại là bị nghi ngờ có khả năng gây khiếm khuyết di truyền và ung thư, do đó cần được xử lý phù hợp. Dự thảo yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ phù hợp nhằm ngăn ngừa tác động bất lợi đối với sức khỏe của người sử dụng phụ gia. Ngoài ra, dự thảo quy định các biện pháp chuyển tiếp để các bên liên quan có thời gian đáp ứng yêu cầu mới về cấp phép và rút sản phẩm khỏi thị trường. Đối với các loài/nhóm động vật được cấp phép, phụ gia và hỗn hợp trộn sẵn chứa phụ gia này nếu được sản xuất và ghi nhãn trước thời điểm 6 tháng kể từ ngày Quy định có hiệu lực theo quy định cũ thì được tiếp tục đưa ra thị trường và sử dụng đến khi hết hàng tồn kho; thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chứa phụ gia này nếu được sản xuất và ghi nhãn trước thời điểm 12 tháng kể từ ngày Quy định có hiệu lực theo quy định cũ thì được tiếp tục đưa ra thị trường và sử dụng đến khi hết hàng tồn kho. Đối với các loài/nhóm động vật không thuộc phạm vi được cấp phép, lượng hàng tồn kho của phụ gia, hỗn hợp trộn sẵn, thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn được tiếp tục lưu hành và sử dụng tương ứng trong thời hạn 12 tháng, 15 tháng và 24 tháng kể từ ngày Quy định có hiệu lực. Dự thảo dự kiến được thông qua và công bố trong tháng 9/2026. Quy định có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu. Thời hạn cuối góp ý trước ngày 01/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
15	G/SPS/N/CHL/890	TTBVT	Chi-lê	02/7/2026	Chi-lê dự thảo sửa đổi Nghị quyết số 7.214/2014 về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với cây cảnh nhập khẩu dùng để trồng.	Chi-lê dự thảo sửa đổi Nghị quyết số 7.214/2014 về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với cây cảnh nhập khẩu dùng để trồng. Theo đó, dự thảo bổ sung yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với sáu nhóm cây cảnh mới, gồm <i>Agave</i> spp., <i>Echeveria</i> spp., <i>Haworthia</i> spp., <i>Pycnosorus globosus</i> (= <i>Craspedia globosa</i>), <i>Sansevieria</i> spp. và <i>Scabiosa atropurpurea</i>. Các yêu cầu bao gồm tuyên bố bổ sung về việc lô hàng đã được kiểm tra và không nhiễm các dịch hại được nêu trong dự thảo; một số trường hợp phải có kết quả phân tích chính thức trong phòng thí nghiệm đối với mẫu cây, rễ, đất hoặc tuyến trùng liên quan. Dự thảo cũng cập nhật yêu cầu kiểm dịch sau nhập khẩu đối với một số loài cây cảnh khi có xuất xứ từ nước có sự hiện diện của các dịch hại kiểm dịch như '<i>Candidatus Phytoplasma australiense</i>', <i>Chrysanthemum stem necrosis virus</i>, <i>Erwinia amylovora</i>, <i>Opogona sacchari</i>, <i>Phialophora cinerescens</i>, <i>Rhynchophorus ferrugineus</i> và <i>Xylella fastidiosa</i>. Bên cạnh đó, dự thảo loại bỏ <i>Aphelenchoides fragariae</i> khỏi yêu cầu nhập khẩu đối với các loài/chi cây được liệt kê do dịch hại này đã được ghi nhận hiện diện tại Chi-lê và đã được đưa ra khỏi danh mục dịch hại kiểm dịch của Chi-lê. Dự thảo cũng bãi bỏ Nghị quyết số 4.166/2023 về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với cây <i>Sansevieria</i> spp. nhập khẩu từ Costa Rica. Thời hạn góp ý trước ngày 31/8/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
16	G/SPS/N/CHL/888	TTBVTV	Chi-lê	02/7/2026	Chi-lê dự thảo sửa đổi Nghị quyết số 7.424/2013 về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với nấm nhập khẩu dùng để nhân giống và tiêu dùng.	Chi-lê dự thảo sửa đổi Nghị quyết số 7.424/2013 về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với nấm nhập khẩu dùng để nhân giống và tiêu dùng. Theo đó, dự thảo bổ sung hai loài nấm <i>Morchella sextelata</i> và <i>Morchella importuna</i> vào danh mục các loài nấm được phép nhập khẩu từ mọi nguồn gốc, sau khi kết quả phân tích nguy cơ dịch hại xác định không có dịch hại kiểm dịch thực vật hoặc dịch hại có khả năng là dịch hại kiểm dịch liên quan đến các loài này. Đồng thời, dự thảo loại bỏ <i>Pleurotus boudan</i> và <i>Pleurotus vous</i> khỏi danh mục do đây là các giống thương mại, không phải loài nấm; sửa đổi tên khoa học của một số loài nấm theo thông tin phân loại mới và khắc phục sai sót trong tên gọi <i>Lentinus edodes</i> theo hướng ghi là <i>Lentinula edodes</i> (đồng nghĩa: <i>Lentinus edodes</i>), để bảo đảm tính chính xác của quy định kiểm dịch thực vật. Thời hạn góp ý trước ngày 31/8/2026.
17	G/SPS/N/CHL/889	TTBVTV, LNKL	Chi-lê	02/7/2026	Chi-lê dự thảo văn bản hợp nhất và hệ thống hóa quy định về yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với hạt giống các loài cây cảnh từ mọi xuất xứ.	Chi-lê dự thảo văn bản hợp nhất và hệ thống hóa quy định về yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với hạt giống các loài cây cảnh từ mọi xuất xứ. Dự thảo tổng hợp các yêu cầu đã được quy định tại Nghị quyết số 3.333 năm 2007 và các văn bản sửa đổi, đồng thời cập nhật một số yêu cầu kiểm dịch thực vật mới đối với hạt giống cây cảnh nhập khẩu vào Chi-lê. Theo đó, các lô hạt giống cây cảnh nhập khẩu phải kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia của nước xuất xứ cấp. Một số loài chỉ cần

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, trong khi một số loài khác phải có tuyên bố bổ sung về xử lý kiểm dịch, kiểm tra hoặc kết quả phân tích phòng thí nghiệm đối với các dịch hại liên quan. Dự thảo cho phép sử dụng tuyên bố bổ sung thay thế trong trường hợp nước xuất xứ xác nhận dịch hại không hiện diện tại nước đó hoặc lô hàng có nguồn gốc từ khu vực không nhiễm dịch hại được SAG công nhận. Trường hợp xác nhận dịch hại không hiện diện tại nước xuất xứ, nước xuất xứ phải duy trì thông tin hỗ trợ và hồ sơ dịch hại làm căn cứ xác định tình trạng không có dịch hại; các hồ sơ này có thể được SAG yêu cầu cung cấp. Đối với xử lý côn trùng họ Bruchidae, dự thảo quy định các phương án xông hơi bằng methyl bromide hoặc phosphine theo liều lượng, thời gian và nhiệt độ tương ứng. Hạt giống nhập khẩu phải không lẫn đất, tàn dư thực vật, cỏ dại kiểm dịch và cỏ dại không kiểm dịch thuộc diện quản lý. Các loài chưa được liệt kê trong nghị quyết phải được SAG cho phép sau khi thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại; vật liệu biến đổi gen, loài thuộc CITES và giống được bảo hộ tại Chi-lê phải đáp ứng các yêu cầu quản lý liên quan. Thời hạn góp ý trước ngày 31/8/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
18	G/SPS/N/KOR/849	TTBVT, BCT, ATTP	Hàn Quốc	02/7/2026	Hàn Quốc dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với thực phẩm liên quan đến zearalenone, MRL thuốc bảo vệ thực vật và phương pháp kiểm nghiệm.	Hàn Quốc dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với thực phẩm liên quan đến zearalenone, MRL thuốc bảo vệ thực vật và phương pháp kiểm nghiệm. Theo đó, dự thảo sửa đổi giới hạn độc tố nấm mốc zearalenone đối với ngô, trong đó loại trừ ngô dùng để sản xuất tinh bột hoặc đường tinh bột khỏi phạm vi áp dụng giới hạn zearalenone đối với nhóm ngũ cốc. Dự thảo cũng sửa đổi danh mục nguyên liệu thực phẩm tại Phụ lục 2, trong đó bổ sung vỏ trấu vào danh mục nguyên liệu được sử dụng hạn chế trong thực phẩm. Đối với dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm, Hàn Quốc dự thảo quy định mới và sửa đổi mức dư lượng tối đa đối với 106 hoạt chất, bao gồm natamycin. Bên cạnh đó, dự thảo sửa đổi, bổ sung các phương pháp kiểm nghiệm, gồm phương pháp xác định taurin, florua, carnitin, phương pháp phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và phương pháp kiểm nghiệm một số hạt nhân phóng xạ khác như plutonium, strontium. Ngoài ra, dự thảo sửa đổi quy định chuyển tiếp để cho phép áp dụng sớm các tiêu chuẩn và quy chuẩn đối với sữa công thức và thực phẩm công thức đã được sửa đổi theo Thông báo số 2025-56 của MFDS, đồng thời cập nhật một số thuật ngữ và quy định kỹ thuật liên quan để bảo đảm tính thống nhất trong quá trình áp dụng. Thời hạn góp ý trước ngày 31/8/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
19	G/SPS/N/KOR/848	CNTY, TSKN	Hàn Quốc	02/7/2026	Hàn Quốc dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với thực phẩm liên quan đến nguyên liệu và thực phẩm chế biến từ nuôi cấy tế bào.	Hàn Quốc dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với thực phẩm liên quan đến nguyên liệu và thực phẩm chế biến từ nuôi cấy tế bào. Theo đó, dự thảo bổ sung yêu cầu đối với nguyên liệu thực phẩm nuôi cấy tế bào. Trường hợp sử dụng làm nguyên liệu thực phẩm đối với sản phẩm thu được bằng công nghệ nuôi cấy tế bào được phân lập từ nguyên liệu có nguồn gốc động vật, như sản phẩm chăn nuôi, thủy sản, nguyên liệu này phải được công nhận là nguyên liệu thực phẩm nuôi cấy tế bào theo quy định về công nhận tiêu chuẩn và quy chuẩn tạm thời đối với thực phẩm. Dự thảo cũng bổ sung loại hình thực phẩm chế biến từ nuôi cấy tế bào trong nhóm thực phẩm chế biến có nguồn gốc động vật. Thực phẩm chế biến từ nuôi cấy tế bào được định nghĩa là sản phẩm thu được bằng công nghệ nuôi cấy tế bào được phân lập từ nguyên liệu có nguồn gốc động vật, đã được công nhận là nguyên liệu thực phẩm nuôi cấy tế bào, hoặc sản phẩm được chế biến với nguyên liệu này là thành phần chính. Ngoài ra, dự thảo quy định các yêu cầu đối với nguyên liệu, tiêu chuẩn sản xuất, chế biến, phân loại sản phẩm và các chỉ tiêu áp dụng đối với thực phẩm chế biến từ nuôi cấy tế bào. Các chỉ tiêu gồm chỉ số axit và chỉ số peroxit đối với thực phẩm chiên hoặc xử lý bằng dầu; tổng số vi khuẩn đối với sản phẩm tiệt trùng; coliforms đối với sản phẩm thanh trùng; <i>E. coli</i> đối với sản phẩm không thanh trùng được sử dụng trực tiếp, không qua chế biến hoặc gia nhiệt thêm; <i>Salmonella</i>, <i>Listeria monocytogenes</i> và

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<i>Staphylococcus aureus</i> đối với sản phẩm thanh trùng hoặc sản phẩm ăn trực tiếp; <i>E. coli</i> gây xuất huyết đường ruột đối với sản phẩm nghiền hoặc sản phẩm ăn trực tiếp. Thời hạn góp ý trước ngày 31/8/2026.
20	G/SPS/N/TUR/112/Add.2	ATTP	Thổ Nhĩ Kỳ	01/7/2026	Thổ Nhĩ Kỳ thông báo bổ sung đối với dự thảo sửa đổi quy định về gia vị thuộc Bộ luật Thực phẩm.	Thổ Nhĩ Kỳ thông báo bổ sung đối với dự thảo sửa đổi quy định về gia vị thuộc Bộ luật Thực phẩm (dự thảo quy định được thông báo tại G/SPS/N/TUR/112 ngày 09/01/2020). Theo đó, dự thảo bổ sung yêu cầu đối với sản phẩm thì là tây (fennel/rezene): nhãn hoặc bao bì sản phẩm phải ghi cảnh báo “Không được sử dụng cho trẻ dưới 4 tuổi”. Dự thảo cũng điều chỉnh một số chỉ tiêu kỹ thuật đối với gia vị. Cụ thể, đối với oregano/kekik, gồm các loại thảo mộc thuộc nhóm oregano/cỏ xạ hương, giới hạn tạp chất lạ tối đa được giảm từ 2% xuống 1% khối lượng; giới hạn mảnh thân và cành tối đa được giảm từ 10% xuống 5% khối lượng; đồng thời bãi bỏ cụm “hoa oregano/kekik” trong ghi chú liên quan của bảng. Đối với bạc hà, giới hạn tạp chất lạ tối đa được điều chỉnh từ 0,1% lên 1% khối lượng. Ngoài ra, đối với dứa, giá trị tối thiểu của chỉ tiêu “chiết xuất ete không bay hơi tính trên cơ sở chất khô, % khối lượng” được điều chỉnh từ 65% xuống 60%. Thời hạn góp ý trước ngày 30/8/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
21	G/SPS/N/CHN/1354/Rev.1	CNTY	Trung Quốc	01/7/2026	Trung Quốc dự thảo sửa đổi các biện pháp quản lý và giám sát kiểm dịch đối với động vật và vật liệu di truyền động vật xuất nhập cảnh và quá cảnh.	Trung Quốc dự thảo sửa đổi Biện pháp giám sát, quản lý kiểm nghiệm, kiểm dịch đối với động vật và vật liệu di truyền động vật xuất nhập cảnh và quá cảnh. Theo đó, dự thảo hợp nhất một số quy định hiện hành về kiểm dịch vật liệu di truyền động vật nhập khẩu, động vật thủy sản xuất khẩu, việc sử dụng cơ sở cách ly kiểm dịch động vật nhập khẩu và kiểm dịch động vật thủy sản nhập khẩu; đồng thời làm rõ các yêu cầu quản lý đối với động vật và vật liệu di truyền động vật theo ba khâu nhập cảnh, quá cảnh và xuất cảnh, nhưng không đặt ra yêu cầu mới đối với các bên liên quan ở nước ngoài. Đối với nhập cảnh, dự thảo quy định các yêu cầu về kiểm dịch, bao gồm đánh giá rủi ro, xem xét hệ thống quản lý an toàn vệ sinh động vật của nước hoặc khu vực xuất khẩu, xác định yêu cầu kiểm dịch và công bố danh mục loài động vật, vật liệu di truyền động vật và nước hoặc khu vực được phép nhập khẩu. Cơ sở nuôi, sản xuất, trung chuyển hoặc đóng gói ở nước ngoài đối với động vật thủy sản và vật liệu di truyền động vật có thể thuộc diện đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc; giấy đăng ký có thời hạn là 05 năm đối với trường hợp thuộc diện đăng ký. Trước khi nhập cảnh, chủ hàng hoặc đại lý phải thực hiện thủ tục phê duyệt kiểm dịch nếu thuộc diện yêu cầu, đồng thời cung cấp giấy phép kiểm dịch, giấy chứng nhận kiểm dịch do cơ quan có thẩm quyền của nước hoặc khu vực xuất khẩu cấp và các chứng từ liên quan. Dự thảo cũng quy định động vật nhập cảnh thuộc diện cách ly phải được cách ly tại cơ sở đáp ứng điều kiện kiểm dịch. Thời gian cách ly tối thiểu là 45 ngày đối với

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						gia súc lớn và trung bình dùng làm giống, 14 ngày đối với động vật thủy sản sống và 30 ngày đối với các động vật khác, trừ trường hợp có quy định riêng. Hải quan thực hiện kiểm tra tại cửa khẩu, kiểm tra hồ sơ, đối chiếu hàng hóa với chứng từ, kiểm tra tình trạng sức khỏe động vật, bao bì, lồng chứa, nhãn, vật liệu bao gói có nguồn gốc thực vật và các vật phẩm cấm nhập cảnh; trường hợp cần thiết có thể lấy mẫu gửi phòng thí nghiệm. Đối với xuất cảnh, dự thảo quy định cơ sở nuôi, sản xuất, trung chuyển hoặc đóng gói động vật và vật liệu di truyền động vật xuất khẩu phải đăng ký khi nước hoặc khu vực nhập khẩu yêu cầu Trung Quốc giới thiệu hoặc xác nhận cơ sở. Hàng hóa xuất khẩu phải được khai báo và kiểm dịch tại nơi sản xuất hoặc cơ sở liên quan; nếu nước hoặc khu vực nhập khẩu yêu cầu cách ly trước xuất khẩu thì phải thực hiện cách ly theo yêu cầu. Trường hợp phát hiện động vật có dấu hiệu bệnh, chết bất thường, không phù hợp với hồ sơ khai báo, không đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc bao bì, phương tiện vận chuyển, nước, đá, vật liệu lót không đáp ứng quy định và không thể khắc phục, lô hàng sẽ không được xuất cảnh. Đối với quá cảnh, động vật phải được phê duyệt trước, có giấy phép quá cảnh, đi theo cửa khẩu và tuyến đường được chỉ định và chịu sự giám sát của hải quan trong toàn bộ quá trình. Trường hợp không có giấy phép quá cảnh hợp lệ, không có giấy chứng nhận kiểm dịch hợp lệ, phát hiện dịch bệnh thuộc danh mục kiểm dịch, thức ăn, vật liệu lót hoặc chất thải có nguy cơ mang mầm bệnh, hoặc phát sinh tình huống bất thường khác, hải

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						quan sẽ xử lý theo quy định, bao gồm không cho phép quá cảnh, trả lại hoặc tiêu hủy. Dự thảo quy định các tổ chức, cá nhân liên quan phải bảo đảm điều kiện vệ sinh, an toàn thực phẩm và lưu giữ hồ sơ sản xuất, tiêu thụ để phục vụ truy xuất nguồn gốc. Văn bản cũng quy định các biện pháp giám sát, cảnh báo rủi ro, xử lý dịch bệnh, xử lý vi phạm và trách nhiệm pháp lý, đồng thời bãi bỏ các văn bản cũ có liên quan đến kiểm dịch động vật và động vật thủy sản. Thời hạn góp ý trước ngày 30/8/2026.
22	G/SPS/N/USA/3576	TTBVT	Hoa Kỳ	30/6/2026	Hoa Kỳ thông báo Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA) tiếp nhận các đề nghị tự nguyện hủy đăng ký một số sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật và/hoặc sửa đổi đăng ký sản phẩm để chấm dứt một số mục đích sử dụng.	Hoa Kỳ thông báo Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA) tiếp nhận các đề nghị tự nguyện hủy đăng ký một số sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật và/hoặc sửa đổi đăng ký sản phẩm để chấm dứt một số mục đích sử dụng. Theo đó, các đề nghị hủy đăng ký liên quan đến nhiều sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật chứa các hoạt chất như glyphosate, azoxystrobin, propiconazole, thiamethoxam, lambda-cyhalothrin, imazethapyr, boric acid, rotenone, sodium chlorite, sulfuryl fluoride, carbaryl, imazapyr, dicamba, paraquat dichloride, spinosad, oxyfluorfen, malathion, cymoxanil, bifenthrin, oryzalin, các hợp chất đồng và một số hoạt chất khác. EPA cũng tiếp nhận đề nghị sửa đổi đăng ký để chấm dứt mục đích sử dụng đối với sản phẩm chứa captan sử dụng trong gia đình và làm vườn; và sản phẩm chứa oxytetracycline hydrochloride đối với nhóm cây có múi 10-10.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						EPA dự kiến chấp thuận các đề nghị này sau khi kết thúc thời hạn góp ý, trừ trường hợp nhận được ý kiến góp ý có nội dung đáng kể cần tiếp tục xem xét hoặc đề nghị được tổ chức đăng ký rút lại. Đối với các sản phẩm bị hủy đăng ký, tổ chức đăng ký được phép bán và phân phối lượng hàng tồn kho trong thời hạn 01 năm sau ngày lệnh hủy đăng ký có hiệu lực. Riêng một số sản phẩm chứa oryzalin hoặc hỗn hợp glyphosate và oryzalin, tổ chức đăng ký đề nghị thời hạn 18 tháng để bán lượng hàng tồn kho. Sau các thời hạn này, việc bán hoặc phân phối các sản phẩm liên quan sẽ bị cấm, trừ trường hợp xuất khẩu theo quy định của FIFRA hoặc tiêu hủy phù hợp. Đối với các sản phẩm được đề nghị sửa đổi đăng ký để chấm dứt một số mục đích sử dụng, sau khi EPA phê duyệt nhãn sửa đổi, tổ chức đăng ký được phép bán hoặc phân phối sản phẩm theo nhãn đã được phê duyệt trước đó trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày công bố lệnh hủy và/hoặc sửa đổi đăng ký liên quan trên Công báo Liên bang, trừ khi có hạn chế khác. Sau thời hạn này, việc bán hoặc phân phối sản phẩm có nhãn bao gồm các mục đích sử dụng đã bị chấm dứt sẽ bị cấm, trừ trường hợp xuất khẩu theo quy định hoặc tiêu hủy phù hợp. Dự kiến thông qua, công bố và có hiệu lực từ ngày 29/7/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 29/7/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
23	G/SPS/N/TUR/107/Add.1	TTBVT	Thổ Nhĩ Kỳ	30/6/2026	Thổ Nhĩ Kỳ thông báo bổ sung đối với dự thảo sửa đổi Quy chuẩn thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về mật ong.	Thổ Nhĩ Kỳ thông báo bổ sung đối với dự thảo sửa đổi Quy chuẩn thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về mật ong. Theo đó, dự thảo sửa đổi, bổ sung nội dung của Thông báo G/SPS/N/TUR/107 đã được Thổ Nhĩ Kỳ thông báo ngày 11/12/2018, liên quan đến Quy chuẩn thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về mật ong. Nội dung sửa đổi lần này bổ sung quy định về kiểm tra độ tinh khiết và sự phù hợp của tấm sáp nền dùng trong sản xuất mật ong theo các tiêu chí cụ thể, để bảo đảm an toàn sản phẩm trong quá trình sản xuất mật ong. Các cơ sở kinh doanh thực phẩm sản xuất tấm sáp nền phải tuân thủ các quy định của văn bản này trong thời hạn 01 năm kể từ ngày văn bản sửa đổi có hiệu lực. Tấm sáp nền không đáp ứng quy định sẽ không được đưa ra thị trường kể từ thời điểm 01 năm sau ngày văn bản sửa đổi có hiệu lực. Thông báo bổ sung này sửa đổi nội dung và/hoặc phạm vi của dự thảo quy định đã thông báo trước đó. Thời hạn góp ý trước ngày 23/7/2026.
24	G/SPS/N/CAN/1644	CNTY	Ca-na-đa	30/6/2026	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi Quy định về thực phẩm an toàn cho người Ca-na-đa (SFCR).	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi Quy định về thực phẩm an toàn cho người Ca-na-đa (SFCR). Theo đó, quy định một cơ chế miễn trừ có mục tiêu, áp dụng một lần và trong thời hạn nhất định, cho phép vận chuyển và bán thịt đồ với khối lượng nhỏ giữa các tỉnh của Ca-na-đa khi xảy ra tình trạng thiếu công suất giết mổ. Để bảo đảm an toàn thực phẩm và không ảnh hưởng đến thương mại quốc tế, việc miễn trừ này sẽ được giới hạn phạm vi áp dụng, chỉ áp dụng đối với khối lượng nhỏ thịt đồ có thể nhận diện và truy xuất nguồn gốc; đồng thời

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						các tỉnh liên quan phải đồng ý thực hiện giám sát an toàn thực phẩm. Các doanh nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm để xuất khẩu vẫn tiếp tục đáp ứng đầy đủ các yêu cầu hiện hành theo Đạo luật về thực phẩm an toàn cho người Ca-na-đa (SFCA) và SFCR, bao gồm yêu cầu về cấp phép, kiểm soát phòng ngừa, truy xuất nguồn gốc và chứng nhận xuất khẩu. Ngoài ra, dự thảo còn đề xuất một số sửa đổi bổ sung đối với SFCR để giảm bớt thủ tục hành chính và làm rõ quy định, trong đó nhà nhập khẩu và nhà xuất khẩu phải đáp ứng tất cả các yêu cầu áp dụng của SFCR trước khi nhập khẩu hoặc xuất khẩu thực phẩm. Dự thảo dự kiến được ban hành chính thức trong vòng 12 tháng kể từ ngày đăng lấy ý kiến trên Công báo Ca-na-đa Phần I. Sau khi được ban hành, quy định sẽ có hiệu lực kể từ ngày được đăng ký và công bố trên Công báo Ca-na-đa Phần II. Thời hạn góp ý trước ngày 29/8/2026.

2. Danh sách quy định có hiệu lực

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/CAN/1608/Add.1	TTBVTV, CNTY, BCT	Ca-na-đa	15/7/2026	Ca-na-đa ban hành MRL đối với hoạt chất fluoxapiprolin trong hoặc trên một số hàng hóa.	Ca-na-đa ban hành mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất fluoxapiprolin trong hoặc trên một số hàng hóa. Theo đó, đề xuất mức dư lượng tối đa đối với fluoxapiprolin, được thông báo trước đó tại mã G/SPS/N/CAN/1608 ngày 16/9/2025, đã được thông qua ngày 29/6/2026. Các mức dư lượng tối đa được thiết lập thông qua việc cập nhật vào Cơ sở dữ liệu MRL của Bộ Y tế Ca-na-đa. Các MRL được ban hành gồm: 6,0 ppm đối với rau ăn lá thuộc nhóm cây trồng 4-13, trừ xà lách búp; 2,0 ppm đối với hành lá thuộc phân nhóm cây trồng 3-07B; 1,5 ppm đối với rau ăn cuống lá thuộc phân nhóm cây trồng 22B; 0,8 ppm đối với nhóm rau họ cải ăn bắp và thân thuộc nhóm cây trồng 5-13 và xà lách búp; 0,5 ppm đối với nho khô; 0,2 ppm đối với nhóm quả nhỏ leo giàn, trừ kiwi lông, thuộc phân nhóm cây trồng 13-07F và cà chua khô; 0,07 ppm đối với rau họ bầu bí thuộc nhóm cây trồng 9; 0,06 ppm đối với rau ăn quả thuộc nhóm cây trồng 8-09; 0,03 ppm đối với hành củ thuộc phân nhóm cây trồng 3-07A; và 0,01 ppm đối với rau dạng củ và thân củ thuộc phân nhóm cây trồng 1C; mỡ, thịt và phụ phẩm thịt của bò, dê, lợn, ngựa, gia cầm và cừu; trứng, sữa và dâu tây. Thông báo gốc đề xuất các MRL nêu trên để lấy ý kiến trong quá trình Ca-na-đa xem xét đăng ký fluoxapiprolin sử dụng trên một số loại hàng hóa. Mục tiêu của biện pháp

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						là bảo đảm an toàn thực phẩm. Tại thời điểm công bố tài liệu đề xuất, chưa có MRL Codex đối với fluoxapiprolin. Các hàng hóa thuộc nhóm và phân nhóm cây trồng nêu trên được xác định theo danh mục nhóm cây trồng về hóa học dư lượng của Ca-na-đa. Các MRL đã ban hành có thể được tra cứu trong Cơ sở dữ liệu MRL của Bộ Y tế Ca-na-đa. Thông báo này không áp dụng thời hạn gộp ý.
2	G/SPS/N/CAN/1619/Add.1	TTBVTV, CNTY	Ca-na-đa	15/7/2026	Ca-na-đa ban hành MRL đối với hoạt chất ethiprole trong hoặc trên thân mía.	Ca-na-đa ban hành MRL đối với hoạt chất ethiprole trong hoặc trên thân mía. Theo đó, tài liệu đề xuất MRL đối với ethiprole, được thông báo trước đó tại mã G/SPS/N/CAN/1619 ngày 13/11/2025, đã được thông qua ngày 29/6/2026. MRL được thiết lập thông qua việc cập nhật vào Cơ sở dữ liệu MRL của Bộ Y tế Ca-na-đa. MRL được ban hành đối với ethiprole là 0,1 ppm trong hoặc trên thân mía. Đơn vị ppm là phần triệu. Thông báo gốc cho biết MRL này được đề xuất đối với hàng hóa nhập khẩu nhằm cho phép nhập khẩu và bán tại Ca-na-đa thực phẩm có thể chứa dư lượng ethiprole. Tại thời điểm công bố thông báo gốc, ethiprole chưa được đăng ký sử dụng tại Ca-na-đa. MRL áp dụng đối với thân mía nhập khẩu khi hoạt chất này được sử dụng theo hướng dẫn trên nhãn tại nước xuất khẩu để kiểm soát rầy bọ (Aeneolamia spp.).

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Kết quả đánh giá của Bộ Y tế Ca-na-đa cho thấy dư lượng ethiprole trong thân mía nhập khẩu ở mức MRL nêu trên không gây quan ngại về sức khỏe đối với người tiêu dùng. Tại thời điểm công bố thông báo gốc, chưa có MRL Codex đối với ethiprole trong hoặc trên thân mía. MRL đã ban hành có thể được tra cứu trong Cơ sở dữ liệu MRL của Bộ Y tế Ca-na-đa. Thông báo này không áp dụng thời hạn góp ý.
3	G/SPS/N/CAN/1624/Add.1	TTBVTV, CNTY	Ca-na-đa	15/7/2026	Ca-na-đa ban hành MRL đối với hoạt chất spidoxamat trong hoặc trên một số hàng hóa.	Ca-na-đa ban hành MRL đối với hoạt chất spidoxamat trong hoặc trên một số hàng hóa. Theo đó, tài liệu đề xuất MRL đối với spidoxamat, được thông báo trước đó tại mã G/SPS/N/CAN/1624 ngày 20/11/2025, đã được thông qua ngày 29/6/2026. Các MRL được thiết lập thông qua việc cập nhật vào Cơ sở dữ liệu MRL của Bộ Y tế Ca-na-đa. Các MRL được ban hành gồm: 1,5 ppm đối với nhóm quả hạch thuộc nhóm cây trồng 12-09; 1,0 ppm đối với nhóm quả nhỏ leo giàn, trừ kiwi lông, thuộc phân nhóm cây trồng 13-07F; 0,9 ppm đối với nhóm quả có múi thuộc nhóm cây trồng 10, bản sửa đổi, và hạt dẻ cười; 0,3 ppm đối với nhóm quả dạng táo thuộc nhóm cây trồng 11-09; và 0,01 ppm đối với nhóm hạt cây thuộc nhóm cây trồng 14-11, trừ hạnh nhân và hạt dẻ cười. Đơn vị ppm là phần triệu. Thông báo gốc cho biết các MRL đối với hạt dẻ cười, quả dạng táo, quả hạch, nhóm quả nhỏ leo giàn và nhóm hạt cây được đề xuất trong quá trình xem xét đăng ký

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						spidoxamat và các sản phẩm chứa hoạt chất này để sử dụng tại Ca-na-đa. Kết quả đánh giá cho thấy các sản phẩm có giá trị sử dụng, đồng thời rủi ro đối với sức khỏe con người và môi trường từ các mục đích sử dụng được đề xuất ở mức chấp nhận được. Đối với nhóm quả có múi, MRL được đề xuất cho hàng hóa nhập khẩu nhằm cho phép nhập khẩu và bán tại Ca-na-đa thực phẩm có thể chứa dư lượng spidoxamat. Bộ Y tế Ca-na-đa xác định rằng dư lượng phát sinh khi hoạt chất này được sử dụng theo hướng dẫn trên nhãn tại nước xuất khẩu không gây quan ngại đối với sức khỏe con người. Tại thời điểm công bố thông báo gốc, chưa có MRL Codex đối với spidoxamat trong hoặc trên các hàng hóa nêu trên. Các MRL do Ca-na-đa đề xuất tương đương với các mức tương ứng dự kiến được Hoa Kỳ ban hành. Các hàng hóa thuộc nhóm và phân nhóm cây trồng nêu trên được xác định theo danh mục nhóm cây trồng về hóa học dư lượng của Ca-na-đa. Các MRL đã ban hành có thể được tra cứu trong Cơ sở dữ liệu MRL của Bộ Y tế Ca-na-đa. Thông báo này không áp dụng thời hạn góp ý.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
4	G/SPS/N/BRA/2353/Add.1	TTBVTV	Bra-xin	14/7/2026	Bra-xin ban hành quy định về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống <i>Gypsophila</i> spp. được sản xuất tại bất kỳ nước xuất xứ nào.	Bra-xin ban hành quy định về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống <i>Gypsophila</i> spp. được sản xuất tại bất kỳ nước xuất xứ nào. Theo đó, biện pháp dự thảo đã được thông báo trước đó tại mã G/SPS/N/BRA/2353 ngày 23/10/2024, nay được ban hành thành Portaria SDA/MAPA số 1.660 ngày 08/7/2026. Quy định áp dụng đối với vật liệu nhân giống <i>Gypsophila</i> spp. thuộc Nhóm 4; lô hàng xuất khẩu sang Bra-xin phải kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do Tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia (NPPO) của nước xuất xứ cấp. Quy định đưa ra yêu cầu riêng đối với từng loại vật liệu nhân giống, gồm cây giống, hom, cây giống in vitro và hạt giống. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật phải có các tuyên bố bổ sung xác nhận lô hàng đã được kiểm tra và không nhiễm các dịch hại được quy định và/hoặc xác nhận tình trạng không nhiễm dịch hại trên cơ sở kết quả phân tích chính thức của phòng thí nghiệm. Căn cứ tình trạng dịch hại trên lãnh thổ của mình, nước xuất xứ có thể sử dụng tuyên bố bổ sung thay thế, xác nhận dịch hại là dịch hại kiểm dịch vắng mặt tại nước

					xuất xứ hoặc không hiện diện tại nước xuất xứ. Các tuyên bố bổ sung dự kiến sử dụng phải được thông báo trước và được NPPO của Bra-xin chấp thuận. Trường hợp chưa được thông báo và chấp thuận, nước xuất xứ phải sử dụng các tuyên bố bổ sung quy định đối với từng loại vật liệu nhân giống. Nước xuất xứ cũng phải thông báo cho NPPO của Bra-xin khi tình trạng dịch hại trên lãnh thổ có thay đổi. Lô hàng phải chịu kiểm tra kiểm dịch thực vật tại điểm nhập cảnh vào Bra-xin và có thể bị lấy mẫu để phân tích tại phòng thí nghiệm chính thức hoặc phòng thí nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi Bra-xin công nhận. Chi phí gửi mẫu và phân tích do bên có liên quan chi trả. Lô hàng không đáp ứng các yêu cầu của quy định sẽ không được phép nhập khẩu. Trường hợp phát hiện dịch hại kiểm dịch hoặc dịch hại có nguy cơ kiểm dịch đối với Bra-xin, lô hàng sẽ bị tiêu hủy hoặc tái xuất và NPPO của nước xuất xứ sẽ được thông báo. Bra-xin có thể tạm dừng nhập khẩu vật liệu nhân giống <i>Gypsophila</i> cho đến khi hoàn tất việc rà soát phân tích nguy cơ dịch hại liên quan. Quy định cho phép giai đoạn chuyển tiếp 180 ngày để NPPO của các nước xuất xứ điều chỉnh quy trình đối với cây giống <i>Gypsophila elegans</i> và <i>Gypsophila paniculata</i> từ I-xra-en; hạt giống <i>Gypsophila elegans</i> từ Đan Mạch, Pháp, Hung-ga-ri và Hà Lan; hạt giống <i>Gypsophila paniculata</i> từ Đan Mạch và Hà Lan; và hạt giống <i>Gypsophila muralis</i> từ Đan Mạch. Trong thời gian chuyển tiếp, các yêu cầu đang có hiệu lực tại ngày Portaria có hiệu lực tiếp tục được áp dụng. Quy định được công bố và có hiệu lực ngày 13/7/2026. Thông báo bổ sung không mở thời hạn góp ý.
--	--	--	--	--	--

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
5	G/SPS/N/EU/959/Corr.1	TTBVTV	Liên minh châu Âu	10/7/2026	Liên minh châu Âu (EU) thông báo đính chính lỗi tại Phụ lục V của dự thảo Quy định sửa đổi các Phụ lục II, III và V của Quy định (EC) số 396/2005 về mức dư lượng tối đa đối với 08 hoạt chất gồm azocyclotin, chlorfenapyr, cyhexatin, dicofol, endosulfan, fenarimol, fenpropathrin và profenofos, đã được thông báo ngày 26/6/2026.	Liên minh châu Âu (EU) thông báo đính chính lỗi tại Phụ lục V của dự thảo Quy định sửa đổi các Phụ lục II, III và V của Quy định (EC) số 396/2005 về mức dư lượng tối đa đối với 08 hoạt chất gồm azocyclotin, chlorfenapyr, cyhexatin, dicofol, endosulfan, fenarimol, fenpropathrin và profenofos, đã được thông báo ngày 26/6/2026. Theo đó, EU đính chính mức dư lượng tối đa của fenpropathrin đối với các nhóm sản phẩm có mã từ 0620000 đến 0870990, bao gồm hạt cà phê, nguyên liệu dùng để pha đồ uống thảo mộc, hạt ca cao, quả carob, hoa bia và các nhóm gia vị. Mức đúng là 0,05* mg/kg tại giới hạn xác định, thay cho mức 0,02* mg/kg được thể hiện nhầm trong Phụ lục V của dự thảo trước đó. Các nội dung khác của dự thảo không thay đổi.
6	G/SPS/N/KOR/622/Add.7	TTBVTV	Hàn Quốc	10/7/2026	Hàn Quốc thông báo bổ sung danh mục cây ký chủ, khu vực phân bố và các loài côn trùng môi giới truyền vi khuẩn <i>Xylella fastidiosa</i> , bao gồm <i>X. taiwanensis</i> .	Hàn Quốc thông báo bổ sung danh mục cây ký chủ, khu vực phân bố và các loài côn trùng môi giới truyền vi khuẩn <i>Xylella fastidiosa</i>, bao gồm <i>X. taiwanensis</i>. Hàn Quốc thông báo bổ sung danh mục cây ký chủ, khu vực phân bố và các loài côn trùng môi giới truyền vi khuẩn <i>Xylella fastidiosa</i>, bao gồm <i>X. taiwanensis</i>. Theo quy định cập nhật, Hàn Quốc cấm nhập khẩu thực vật để trồng thuộc các loài ký chủ từ các khu vực bị cấm, bao gồm cây giống, cành ghép, cành giâm và các

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						loại vật liệu nhân giống khác; riêng đối với hạt giống, biện pháp chỉ áp dụng đối với hạt hồ đào pecan (<i>Carya illinoensis</i>). Quy định áp dụng đối với các lô hàng kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật được gửi đi từ ngày 13/7/2026. Các loài côn trùng môi giới nêu trong danh mục chỉ được coi là dịch hại bị cấm khi bị phát hiện trên cây ký chủ có xuất xứ từ các khu vực bị cấm; trong các trường hợp khác, việc xử lý được thực hiện theo hệ thống quản lý dịch hại hiện hành của Hàn Quốc. Sau khi cập nhật, danh mục quản lý gồm 23 khu vực có phân bố dịch hại, 38 loài côn trùng môi giới và 88 chi với 326 loài thực vật ký chủ.
7	G/SPS/N/JPN/1416	CNTY	Nhật Bản	08/7/2026	Nhật Bản sửa đổi Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm gia súc và các quy định liên quan.	Nhật Bản sửa đổi Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm gia súc và các quy định liên quan. Theo đó, bệnh viêm da nổi cục được bổ sung vào danh mục bệnh truyền nhiễm gia súc. Bò mắc hoặc nghi mắc bệnh thuộc diện có thể bị ra lệnh giết hủy; xác động vật phải được đốt hoặc chôn theo quy định. Trâu nước cũng được bổ sung vào nhóm loài gia súc thuộc phạm vi quản lý đối với bệnh này. Nhật Bản cũng cấm bán, chế biến, sử dụng, chuẩn bị, bảo quản hoặc trưng bày để bán các hàng hóa được nhập khẩu trái với quy định về hàng hóa cấm nhập khẩu hoặc hàng hóa thuộc diện kiểm dịch. Cán bộ kiểm dịch động vật được trao thẩm quyền kiểm tra tại chỗ tại cửa hàng, văn phòng, cơ sở kinh doanh, kho hàng và các địa điểm liên quan, đồng thời áp dụng các biện pháp xử lý, bao gồm tiêu hủy hàng hóa được xác định là nhập khẩu vi phạm.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Bên cạnh đó, Nhật Bản sửa đổi một số quy định về kiểm dịch xuất nhập khẩu, gồm: đơn giản hóa một số biểu mẫu và thủ tục cấp phép nhập khẩu; điều chỉnh phạm vi hàng hóa thuộc diện kiểm dịch; miễn yêu cầu kèm giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu đối với một số mẫu chỉ sử dụng cho mục đích thử nghiệm hoặc nghiên cứu; rút ngắn thời gian kiểm dịch đối với một số động vật xuất khẩu xuống không quá 12 giờ; yêu cầu người xuất khẩu chó và thỏ sống nộp đơn đăng ký kiểm tra xuất khẩu ít nhất 14 ngày trước ngày xuất khẩu; và cập nhật mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu. Quy định cũng loại trừ khỏi danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu đối với thức ăn cho vật nuôi cảnh không dùng làm thực phẩm đã được xử lý ở nhiệt độ tâm sản phẩm từ 121,1°C trong ít nhất 3 phút hoặc bằng phương pháp có hiệu quả tương đương, đồng thời có giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu xác nhận việc đáp ứng yêu cầu xử lý. Quy định có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.
8	G/SPS/N/GBR/132	TTBVT	Vương quốc Anh	08/7/2026	Vương quốc Anh sửa đổi Danh mục pháp định về mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật (MRL) đối với hoạt chất mefenfentrifluconazole.	Vương quốc Anh sửa đổi Danh mục pháp định về mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật (MRL) đối với hoạt chất mefenfentrifluconazole. Theo đó, MRL được tăng đối với một số sản phẩm, cụ thể: - Nhóm quả, quả hạch và ô liu: hạt hồ trăn (hạt dẻ cười), từ mức giới hạn định lượng 0,01* mg/kg lên 0,05 mg/kg; nho ăn tươi và nho làm rượu, từ 0,9 mg/kg lên 1,5 mg/kg; ô liu dùng để ăn, từ 0,01* mg/kg lên 2 mg/kg; quả hồng Nhật Bản, từ 0,01* mg/kg lên 0,2 mg/kg; và ô liu dùng để ép dầu, từ 0,01* mg/kg lên 3 mg/kg.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						- Nhóm rau ăn lá, rau thơm và thảo mộc: rau diếp, từ 0,01* mg/kg lên 5 mg/kg; rau rocket/rucola, các loại rau ăn lá non và rau chân vịt, từ 0,01* mg/kg lên 7 mg/kg; ngò rí Pháp, hẹ, lá cần tây, mùi tây, xô thơm, hương thảo, cỏ xạ hương, húng quế và hoa ăn được, lá nguyệt quế, ngải giấm và các loại thảo mộc khác, từ 0,02* mg/kg lên 7 mg/kg.- Nhóm rau họ đậu và rau ăn thân: đậu tươi đã tách vỏ quả, từ 0,01* mg/kg lên 0,04 mg/kg; atisô bẹ, cần tây, thì là củ Florence và đại hoàng, từ 0,01* mg/kg lên 3 mg/kg; atisô, từ 0,01* mg/kg lên 0,7 mg/kg. Các mức MRL đối với mefentrifluconazole không thuộc phạm vi điều chỉnh nêu trên được giữ nguyên. Danh mục kèm theo tiếp tục duy trì các ghi chú kỹ thuật hiện hành đối với hoạt chất mefentrifluconazole, gồm ghi chú về điều khoản chuyển tiếp đối với lá củ cải, đã áp dụng từ ngày 01/01/2025; và hướng dẫn tính toán mức thay đổi hàm lượng do quá trình chế biến, cụ thể là sấy khô, đối với gừng và cải ngựa thuộc nhóm gia vị. Quy định có hiệu lực từ ngày 15/6/2026.
9	G/SPS/N/EU/932/ Add.1	TTBVT	Liên minh châu Âu	08/7/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1433 sửa đổi các Phụ lục II, VII và VIII của Quy định (EU) 2019/2072 về các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với <i>Meloidogyne graminicola</i> trong lãnh thổ Liên minh châu Âu.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1433 sửa đổi các Phụ lục II, VII và VIII của Quy định (EU) 2019/2072 về các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với <i>Meloidogyne graminicola</i> trong lãnh thổ Liên minh châu Âu. Dự thảo quy định này đã được thông báo trước đó tại Thông báo G/SPS/N/EU/932 ngày 16/3/2026. Quy định được công bố trên Công báo Liên minh châu Âu ngày 06/7/2026 và có hiệu lực từ ngày 26/7/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
10	G/SPS/N/EU/899/Add.1	TTBVTV, CNTY	Liên minh châu Âu	08/7/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) số 2026/1314 ngày 15/6/2026 sửa đổi các Phụ lục II, III và V của Quy định (EC) số 396/2005 về việc điều chỉnh mức dư lượng tối đa đối với 1,4-dimethylnaphthalene, chlormequat, metribuzin, metribuzin-desamino-diketo (metribuzin-DADK), terbuthylazine và triclopyr trong hoặc trên một số sản phẩm cụ thể.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) số 2026/1314 ngày 15/6/2026 sửa đổi các Phụ lục II, III và V của Quy định (EC) số 396/2005 về việc điều chỉnh mức dư lượng tối đa đối với 1,4-dimethylnaphthalene, chlormequat, metribuzin, metribuzin-desamino-diketo (metribuzin-DADK), terbuthylazine và triclopyr trong hoặc trên một số sản phẩm cụ thể. Dự thảo quy định này đã được thông báo trước đó tại Thông báo G/SPS/N/EU/899 ngày 03/12/2025. Quy định được công bố trên Công báo Liên minh châu Âu ngày 16/6/2026, có hiệu lực từ ngày 06/7/2026 và áp dụng từ ngày 06/01/2027.
11	G/SPS/N/AUS/415/Add.1	CNTY	Ô-xtrây-li-a	08/7/2026	Ô-xtrây-li-a thông báo bắt đầu quy trình Đánh giá rủi ro nhập khẩu an toàn sinh học (Biosecurity Import Risk Assessment - BIRA) và công bố tài liệu tham vấn đối với việc nhập khẩu vỏ bao tự nhiên dùng làm thực phẩm, chủ yếu là ruột động vật sử dụng trong chế biến xúc xích.	Ô-xtrây-li-a thông báo bắt đầu quy trình Đánh giá rủi ro nhập khẩu an toàn sinh học (Biosecurity Import Risk Assessment - BIRA) và công bố tài liệu tham vấn đối với việc nhập khẩu vỏ bao tự nhiên dùng làm thực phẩm, chủ yếu là ruột động vật sử dụng trong chế biến xúc xích. Tài liệu xem xét các thông tin khoa học, cách thức tổ chức chuỗi cung ứng, quy trình sản xuất và mức độ phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Trước đó, Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Ô-xtrây-li-a đã tổ chức tham vấn về vấn đề này từ tháng 11/2024 đến tháng 3/2025 trong khuôn khổ rà soát rủi ro nhập khẩu. Hiện nay, Bộ tiếp tục triển khai việc đánh giá theo quy trình BIRA. Thời hạn gửi ý kiến đóng góp là ngày 10/8/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
12	G/SPS/N/AUS/557/Add.1/Corr. 1	TTBVT	Ô-xtrây-li-a	06/7/2026	Ô-xtrây-li-a thông báo đính chính đối với Thông báo G/SPS/N/AUS/557/Add.1 về báo cáo đánh giá nguy cơ dịch hại đối với các tác nhân vi khuẩn thuộc chi <i>Xylella</i> .	Ô-xtrây-li-a thông báo đính chính đối với Thông báo G/SPS/N/AUS/557/Add.1 về báo cáo đánh giá nguy cơ dịch hại đối với các tác nhân vi khuẩn thuộc chi <i>Xylella</i> . Theo đó, nội dung đính chính điều chỉnh thời điểm triển khai báo cáo đánh giá nguy cơ dịch hại từ ngày 20/10/2026 sang ngày 20/01/2027. Ô-xtrây-li-a sẽ chuyển tiếp từ các biện pháp khẩn cấp đối với <i>Xylella</i> sang điều kiện nhập khẩu mới theo lộ trình từng giai đoạn, bắt đầu từ ngày 20/01/2027. Các nội dung khác về báo cáo và điều kiện nhập khẩu liên quan đến <i>Xylella</i> theo thông tin tại Thông báo G/SPS/N/AUS/557/Add.1.
13	G/SPS/N/BRA/2505	CNTY	Bra-xin	03/7/2026	Bra-xin ban hành Quy định RIG.RAÇÃO.JUN.26 về yêu cầu sức khỏe động vật đối với thức ăn chăn nuôi nhập khẩu từ mọi nguồn xuất xứ vào Cộng hòa Liên bang Bra-xin.	Bra-xin ban hành Quy định RIG.RAÇÃO.JUN.26 về yêu cầu sức khỏe động vật đối với thức ăn chăn nuôi nhập khẩu từ mọi nguồn xuất xứ vào Cộng hòa Liên bang Bra-xin. Cụ thể, Quy định đưa ra 04 mẫu Giấy chứng nhận thú y quốc tế, gồm: mẫu Giấy chứng nhận thú y quốc tế đối với thức ăn chăn nuôi; mẫu đối với thức ăn cho thú cưng đã tiệt trùng; mẫu đối với thức ăn cho thú cưng dạng ép đùn; và mẫu đối với thức ăn cho thú cưng dạng mảnh/vảy. Các giấy chứng nhận thú y đã được thỏa thuận song phương trước đó với các nước xuất khẩu sẽ tiếp tục được Bra-xin công nhận và chấp thuận, với điều kiện các giấy chứng nhận này được cấp trong vòng 180 ngày kể từ ngày biện pháp được thông báo cho WTO. Quy định được thông qua, công bố và có hiệu lực từ ngày 01/7/2026. Thời hạn cuối góp ý trước ngày 01/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
14	G/SPS/N/CHE/105	ATTP, TTBVTV	Thụy Sĩ	03/7/2026	Thụy Sĩ thông báo sửa đổi Sắc lệnh Thi hành Pháp luật Thực phẩm (OELDAI), cập nhật trên cơ sở Quy định (EU) 2019/1793 về việc tăng cường tạm thời kiểm soát chính thức và áp dụng các biện pháp khẩn cấp đối với việc nhập khẩu một số thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc phi động vật từ một số nước thứ ba.	Thụy Sĩ thông báo sửa đổi Sắc lệnh Thi hành Pháp luật Thực phẩm (OELDAI), cập nhật trên cơ sở Quy định (EU) 2019/1793 về việc tăng cường tạm thời kiểm soát chính thức và áp dụng các biện pháp khẩn cấp đối với việc nhập khẩu một số thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc phi động vật từ một số nước thứ ba. Theo đó, Thụy Sĩ sửa đổi Phụ lục 2 của Sắc lệnh OELDAI để cập nhật phân dẫn chiếu tới danh mục thực phẩm tại Phụ lục I của Quy định (EU) 2019/1793, đã được sửa đổi gần nhất bởi Quy định (EU) 2026/1206.
15	G/SPS/N/CHE/104	ATTP	Thụy Sĩ	03/7/2026	Thụy Sĩ thông báo sửa đổi Quy định về hương liệu và thành phần thực phẩm có đặc tính tạo hương dùng trong và trên thực phẩm.	Thụy Sĩ thông báo sửa đổi Quy định về hương liệu và thành phần thực phẩm có đặc tính tạo hương dùng trong và trên thực phẩm. Sửa đổi áp dụng đối với tất cả thực phẩm có chứa hương liệu hoặc chất tạo hương. Theo đó, các hương liệu đã được đưa ra thị trường hợp pháp tại Liên minh châu Âu có thể được sử dụng trực tiếp tại Thụy Sĩ. Đồng thời, Thụy Sĩ thay thế Phụ lục 3 của Quy định bằng danh mục mới về các chất tạo hương được phép sử dụng. Danh mục này được cập nhật trên cơ sở các hương liệu đã được đưa ra thị trường hợp pháp tại Liên minh châu Âu và được trình bày dưới dạng bảng kỹ thuật, bao gồm thông tin nhận diện chất, yêu cầu về độ tinh khiết, điều kiện sử dụng, mức tối đa nếu có, tình trạng đánh giá và cơ quan đánh giá tương ứng. Quy định đưa ra thời gian chuyển tiếp đối với thực phẩm không đáp ứng quy định mới. Cụ thể, các sản phẩm này vẫn được phép nhập khẩu, sản xuất và ghi nhãn theo quy định cũ đến ngày 31/01/2027 và được tiếp tục cung cấp cho người tiêu dùng đến khi hết hàng tồn kho.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
16	G/SPS/N/EU/962	CCPT, TTBVT BCT	Liên minh châu Âu	03/7/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/908 sửa đổi Quy định (EU) 2021/630 về yêu cầu chứng nhận tự nhân đối với các sản phẩm hỗn hợp ổn định bảo quản được miễn kiểm tra chính thức tại trạm kiểm soát biên giới, đồng thời bổ sung một số sản phẩm ngũ cốc, rau, quả, hạt đã qua chế biến hoặc được bảo quản, nước xốt, gia vị và bánh kẹo vào danh sách sản phẩm hỗn hợp được miễn trừ.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/908 sửa đổi Quy định (EU) 2021/630 về yêu cầu chứng nhận tự nhân đối với các sản phẩm hỗn hợp ổn định bảo quản được miễn kiểm tra chính thức tại trạm kiểm soát biên giới, đồng thời bổ sung một số sản phẩm ngũ cốc, rau, quả, hạt đã qua chế biến hoặc được bảo quản, nước xốt, gia vị và bánh kẹo vào danh sách sản phẩm hỗn hợp được miễn trừ. Theo đó, văn bản sửa đổi Điều 3 khoản 2 của Quy định (EU) 2021/630 nhằm thống nhất với Điều 22 của Quy định (EU) 2022/2292 về yêu cầu chứng nhận tự nhân đối với lô hàng sản phẩm hỗn hợp ổn định bảo quản nhập khẩu vào Liên minh. Nội dung này bao gồm cả ngoại lệ đối với sản phẩm hỗn hợp không chứa sản phẩm động vật đã qua chế biến, trừ viên nang gelatin không có nguồn gốc từ xương động vật nhai lại. Đồng thời, Quy định bổ sung một số sản phẩm hỗn hợp ổn định bảo quản được đánh giá có rủi ro thấp đối với sức khỏe con người và động vật vào danh sách miễn kiểm tra chính thức tại trạm kiểm soát biên giới. Các sản phẩm này thuộc một số mã CN như 1904 10, 1904 20, 2001, 2004, 2005, 2008 19, 2008 99, 2103 và 2106, bao gồm một số sản phẩm ngũ cốc như bông ngô, snack ngô dạng que và dạng xộp; khoai tây chiên dạng lát và dạng giòn phù hợp để ăn liền; rau, quả, hạt và các bộ phận ăn được khác của thực vật đã qua chế biến hoặc được bảo quản có chứa mật ong là

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						thành phần nguồn gốc động vật duy nhất; nước xốt có chứa chiết xuất hàu hoặc cá; nước xốt và chế phẩm dùng để làm nước xốt; gia vị có chứa mật ong là thành phần nguồn gốc động vật duy nhất; cùng bánh kẹo, kẹo cao su và sản phẩm tương tự có chứa chất tạo ngọt tổng hợp thay thế đường. Quy định được công bố ngày 03/7/2026 và có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu. Thông báo không áp dụng thời hạn góp ý.
17	G/SPS/N/USA/3582	TTBVTV, CNTY, BCT	Hoa Kỳ	01/7/2026	Hoa Kỳ ban hành quy định sửa đổi mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất điều hòa sinh trưởng thực vật chlormequat chloride trong hoặc trên một số loại hàng hóa.	Hoa Kỳ ban hành quy định sửa đổi mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất điều hòa sinh trưởng thực vật chlormequat chloride trong hoặc trên một số loại hàng hóa. Theo đó, quy định sửa đổi các mức dư lượng tối đa hiện hành đối với chlormequat chloride trên lúa mạch, yến mạch, tiểu hắc mạch, lúa mì và một số sản phẩm thực phẩm, sản phẩm có nguồn gốc động vật. Quy định được ban hành theo Đạo luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (FFDCA). Định nghĩa dư lượng đối với chlormequat chloride được cập nhật thành tổng chlormequat và các muối của chất này, biểu thị theo cation chlormequat, để hài hòa với Codex và Ca-na-đa. Đối với nhóm ngũ cốc, các mức dư lượng tối đa được quy định gồm: cám lúa mạch 20 ppm, hạt lúa mạch 8 ppm, cỏ khô lúa mạch 150 ppm, rơm lúa mạch 60 ppm; hạt yến mạch 40 ppm, yến mạch làm thức ăn xanh 15 ppm, cỏ khô yến mạch 150 ppm, rơm yến mạch 50 ppm;

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						cám lúa mì 15 ppm, mầm lúa mì 20 ppm, hạt lúa mì 5 ppm, lúa mì làm thức ăn xanh 30 ppm, cỏ khô lúa mì 150 ppm và rơm lúa mì 70 ppm. Đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật, mức dư lượng tối đa được quy định gồm: phụ phẩm thịt bò, dê, ngựa và cừu ở mức 1 ppm; thịt bò, dê, ngựa, lợn và cừu ở mức 0,2 ppm; phụ phẩm thịt lợn ở mức 0,5 ppm; sữa ở mức 0,5 ppm; trứng ở mức 0,1 ppm; phụ phẩm thịt gia cầm ở mức 0,1 ppm và thịt gia cầm ở mức 0,05 ppm. Riêng mức dư lượng đối với phụ phẩm thịt lợn và thịt lợn có hiệu lực đến ngày 30/12/2026. EPA cho biết đánh giá phơi nhiễm qua khẩu phần ăn đã được cập nhật để bao gồm các mức dư lượng được đề nghị. Rủi ro cấp tính và mạn tính đều thấp hơn mức quan ngại của EPA; cơ quan này kết luận có mức độ chắc chắn hợp lý rằng dư lượng chlormequat chloride theo các mức nêu trên không gây hại cho dân số nói chung, bao gồm trẻ sơ sinh và trẻ em. Về so sánh với Codex, Hoa Kỳ hài hòa với một số MRL Codex đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật, gồm phụ phẩm thịt bò, thịt bò, trứng, phụ phẩm thịt dê, thịt dê, phụ phẩm thịt gia cầm, phụ phẩm thịt cừu và thịt cừu. Một số MRL Codex khác đối với lúa mạch, lợn, sữa, yến mạch và lúa mì khác với mức dư lượng của Hoa Kỳ do mô hình sử dụng được đề xuất. Hoa Kỳ cũng hài hòa với một số MRL của Ca-na-đa đối với chlormequat chloride

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						trên lúa mạch, yến mạch, gia cầm và lúa mì. Quy định được thông qua, công bố và có hiệu lực từ ngày 30/6/2026. Thời hạn gửi ý kiến phản đối và yêu cầu điều trần trước ngày 31/8/2026.
18	G/SPS/N/USA/3581	TTBVTV, CNTY	Hoa Kỳ	01/7/2026	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật bifenthrin trên một số nông sản và sản phẩm có nguồn gốc động vật.	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật bifenthrin trên một số nông sản và sản phẩm có nguồn gốc động vật. Theo đó, mức dư lượng cao nhất là 30 ppm đối với cỏ khô ba lá và 7 ppm đối với cỏ ba lá dùng làm thức ăn xanh; các mức này được áp dụng theo mức dư lượng khu vực. Mức 4 ppm được áp dụng đối với tiểu nhóm quả cọ nhiệt đới và cận nhiệt đới ăn được vỏ, thuộc phân nhóm 23C. Mức 3 ppm được áp dụng đối với mỡ của động vật nhai lại gồm bò, dê, cừu và mỡ ngựa; chất béo sữa; rau diếp thơm lấy thân; thì là Florence, phần lá và thân tươi; rau ăn cuống lá thuộc phân nhóm 22B; và cải cầu vồng. Mức 1,5 ppm được áp dụng đối với kiwi lông. Mức 0,9 ppm được áp dụng đối với su hào và nhóm rau họ cải lấy phần đầu và thân, trừ bắp cải, thuộc nhóm 5-16. Đối với các sản phẩm khác, mức 0,8 ppm được áp dụng đối với đậu quả có mùi thuộc nhóm 10-10, đậu ăn cả vỏ thuộc phân nhóm 6-22A và đậu Hà Lan ăn cả vỏ thuộc phân nhóm 6-22B. Mức 0,5 ppm được áp dụng đối với tiểu nhóm hạt bông 20C. Mức 0,3 ppm được áp dụng đối với đậu khô bóc vỏ, trừ đậu tương, thuộc phân nhóm 6-22E và đậu Hà Lan khô bóc vỏ thuộc phân nhóm 6-22F. Mức 0,2 ppm được áp dụng đối với sữa, phụ phẩm thịt của động vật nhai lại và ngựa, cùng hạt rum.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Mức 0,05 ppm được áp dụng đối với hạt cà phê xanh, tiểu nhóm hạt cải dầu 20A, đậu tươi bóc vỏ thuộc phân nhóm 6-22C và đậu Hà Lan tươi bóc vỏ thuộc phân nhóm 6-22D. Về hài hòa với Codex, Hoa Kỳ quy định các mức dư lượng phù hợp với MRL tương ứng của Codex đối với tiểu nhóm hạt bông 20C; sữa; chất béo sữa; mỡ của động vật nhai lại và ngựa; phụ phẩm thịt của động vật nhai lại và ngựa; tiểu nhóm hạt cải dầu 20A; đậu Hà Lan tươi bóc vỏ thuộc phân nhóm 6-22D; đậu khô bóc vỏ, trừ đậu tương, thuộc phân nhóm 6-22E; và đậu Hà Lan khô bóc vỏ thuộc phân nhóm 6-22F. Tuy nhiên, Hoa Kỳ không hài hòa với MRL Codex đối với su hào; nhóm rau họ cải lấy phần đầu và thân, trừ bắp cải, thuộc nhóm 5-16; và đậu Hà Lan ăn cả vỏ thuộc phân nhóm 6-22B, do các MRL Codex tương ứng thấp hơn mức dư lượng của Hoa Kỳ. Theo EPA, việc giảm mức dư lượng của Hoa Kỳ theo MRL Codex có thể khiến người trồng tại Hoa Kỳ có nguy cơ vi phạm mức dư lượng dù sử dụng thuốc hợp pháp theo hướng dẫn trên nhãn. Quy định được thông qua, công bố và có hiệu lực từ ngày 30/6/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 31/8/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
19	G/SPS/N/USA/3580	TTBVT	Hoa Kỳ	01/7/2026	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật diflufenican trên một số nhóm nông sản.	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật diflufenican trên một số nhóm nông sản. Theo đó, mức dư lượng 0,015 ppm được áp dụng đối với cỏ khô đậu tương. Đối với các mặt hàng còn lại, gồm ngô dùng làm thức ăn xanh, hạt ngô, thân, lá ngô sau thu hoạch, cây đậu tương dùng làm thức ăn xanh và hạt đậu tương, mức dư lượng được quy định là 0,01 ppm. So với hồ sơ kiến nghị ban đầu, EPA đã điều chỉnh giảm mức dư lượng đối với cây đậu tương dùng làm thức ăn xanh từ 0,015 ppm xuống 0,01 ppm; và đối với cỏ khô đậu tương từ 0,02 ppm xuống 0,015 ppm, trên cơ sở phương pháp tính của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Quy định được thông qua, công bố và có hiệu lực từ ngày 30/6/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 31/8/2026.
20	G/SPS/N/USA/3578	TTBVT	Hoa Kỳ	01/7/2026	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức dư lượng tối đa đối với thuốc bảo vệ thực vật epyrifenacil trên một số nông sản.	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức dư lượng tối đa đối với thuốc bảo vệ thực vật epyrifenacil trên một số nông sản. Theo đó, quy định mức dư lượng epyrifenacil ở mức 0,005 ppm đối với: ngô đồng ruộng gồm thân lá làm thức ăn chăn nuôi, hạt và thân cây sau thu hoạch; hạt cải dầu; đậu tương gồm thân lá, cỏ khô và hạt; lúa mì gồm thân lá, hạt, cỏ khô và rơm. Quy định được ban hành trên cơ sở kiến nghị của doanh nghiệp liên quan theo Đạo luật

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang của Hoa Kỳ. Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ (EPA) kết luận mức dư lượng này đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm, không dự kiến gây rủi ro đáng kể đối với người tiêu dùng, bao gồm trẻ sơ sinh và trẻ em, từ phơi nhiễm tổng hợp qua thực phẩm và nước uống. Codex hiện chưa có mức dư lượng tối đa đối với epyrifenacil. Quy định được thông qua, công bố và có hiệu lực từ ngày 30/6/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 31/8/2026.
21	G/SPS/N/USA/3579	TTBVTV	Hoa Kỳ	01/7/2026	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật fluoxapiprolin trên một số nhóm nông sản và sản phẩm dùng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi.	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật fluoxapiprolin trên một số nhóm nông sản và sản phẩm dùng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi. Theo đó, mức dư lượng cao nhất là 6 ppm đối với rau ăn lá, trừ xà lách cuộn, thuộc nhóm 4-16; và 2 ppm đối với hành lá thuộc phân nhóm 3-07B. Mức 1,5 ppm được áp dụng đối với rau ăn cuống lá thuộc phân nhóm 22B; mức 0,8 ppm áp dụng đối với xà lách cuộn và rau họ cải ăn bắp, thân thuộc nhóm 5-16. Đối với các sản phẩm khác, mức dư lượng được quy định lần lượt là 0,5 ppm đối với nho khô; 0,2 ppm đối với trái cây nhỏ dạng dây leo, trừ kiwi lông, thuộc phân nhóm 13-07F; 0,07 ppm đối với rau họ bầu bí thuộc nhóm 9; 0,06 ppm đối với rau ăn quả thuộc nhóm 8-10; 0,03 ppm đối với hành củ thuộc phân nhóm 3-07A; và 0,01 ppm đối với rau lấy củ và thân củ thuộc phân nhóm 1C.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Về so sánh với các MRL Codex được đề xuất, mức dư lượng của Hoa Kỳ đối với nho khô, hành củ và rau lấy củ, thân củ được hài hòa với các mức MRL Codex đề xuất tương ứng đối với nho khô, hành củ và khoai tây. Tuy nhiên, mức dư lượng của Hoa Kỳ đối với trái cây nhỏ dạng dây leo, trừ kiwi lông, thuộc phân nhóm 13-07F là 0,2 ppm, cao hơn MRL Codex đề xuất riêng đối với nho là 0,15 ppm. Theo EPA, mức này được xác định trên cơ sở dữ liệu dư lượng hiện có và việc sử dụng theo hướng dẫn trên nhãn đã được phê duyệt tại Hoa Kỳ có thể dẫn đến dư lượng vượt MRL Codex đề xuất. Việc hài hòa theo mức Codex đề xuất có thể khiến người trồng tại Hoa Kỳ có nguy cơ vi phạm mức dư lượng dù sử dụng hợp pháp. Đối với rau ăn quả thuộc nhóm 8-10, Hoa Kỳ quy định mức dư lượng 0,06 ppm, thấp hơn MRL Codex đề xuất riêng đối với cà chua là 0,07 ppm. Fluoxapiprolin đang được Hoa Kỳ và Ca-na-đa cùng rà soát; trong khuôn khổ rà soát này, mức dư lượng của Hoa Kỳ và MRL của Ca-na-đa, cùng cách diễn đạt liên quan, được hài hòa giữa hai nước. Codex đã đề xuất MRL đối với cà chua nhưng mức này chưa được thông qua/ban hành chính thức; Mê-hi-cô chưa quy định MRL đối với fluoxapiprolin. Quy định được thông qua, công bố và có hiệu lực từ ngày 30/6/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 31/8/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
22	G/SPS/N/TUR/119/Add.3/Corr.2	TTBVTV	Thổ Nhĩ Kỳ	01/7/2026	Thổ Nhĩ Kỳ thông báo đính chính đối với Thông báo G/SPS/N/TUR/119/Add.3 về biện pháp kiểm dịch thực vật khẩn cấp đối với nhập khẩu hạt giống cà chua, ớt và bí ngô.	Thổ Nhĩ Kỳ thông báo đính chính đối với Thông báo G/SPS/N/TUR/119/Add.3 về biện pháp kiểm dịch thực vật khẩn cấp đối với nhập khẩu hạt giống cà chua, ớt và bí ngô. Theo đó, Thổ Nhĩ Kỳ đính chính nội dung tại điểm (ii) thuộc mục “Yêu cầu” của Thông báo G/SPS/N/TUR/119/Add.3, cụ thể, - Nội dung trước đây: “Sản phẩm được phân tích bằng phương pháp Polymerase Chain Reaction (RT-qPCR) đối với ToLCNDV và được xác định không nhiễm các véc-tơ liên quan”. - Nội dung điều chỉnh: “Sản phẩm được phân tích đối với ToLCNDV bằng phương pháp Real-Time Polymerase Chain Reaction (RT-qPCR) và được xác định không nhiễm ToLCNDV”.
23	G/SPS/N/EU/960	CNTY	Liên minh châu Âu	01/7/2026	Liên minh châu Âu thông báo Quy định thực thi (EU) 2026/1234 ngày 11/6/2026 về việc cấp phép vermiculite làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho gà nuôi lấy thịt, gà nuôi để lấy trứng hoặc sinh sản và gà mái.	Liên minh châu Âu thông báo Quy định thực thi (EU) 2026/1234 ngày 11/6/2026 về việc cấp phép vermiculite làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho gà nuôi lấy thịt, gà nuôi để lấy trứng hoặc sinh sản và gà mái. Theo đó, Liên minh châu Âu cấp phép lần đầu vermiculite làm phụ gia thức ăn chăn nuôi trong thời hạn 10 năm. Việc cấp phép dựa trên kết luận đánh giá khoa học của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (EFSA), trong đó vermiculite được coi là an toàn ở mức 10.000 mg/kg thức ăn hoàn chỉnh đối với gà nuôi lấy thịt, gà nuôi để lấy trứng hoặc sinh sản và gà mái; đồng thời an toàn đối với người tiêu dùng và môi trường trong điều kiện sử dụng được đề xuất.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Phụ lục quy định phụ gia mang số nhận dạng 1i561, có thành phần là magnesium aluminium iron silicate, chứa vermiculite $\geq 87,0\%$, hydroxyapatite $\geq 1,0\%$ và diopside chứa $\text{Fe}^{2+} \geq 2,4\%$, ở dạng bột. Hàm lượng sử dụng tối thiểu và tối đa đối với các loài được cấp phép đều là 10.000 mg/kg thức ăn hoàn chỉnh có độ ẩm 12%. Khi phụ gia được sử dụng trực tiếp làm chất chống vón trong nguyên liệu thức ăn chăn nuôi hoặc thức ăn bổ sung, mức sử dụng tối thiểu là 10.000 mg/kg thức ăn. Quy định yêu cầu hướng dẫn sử dụng phụ gia và premix phải nêu điều kiện bảo quản. Đối với người sử dụng phụ gia và premix, cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải xây dựng quy trình vận hành và biện pháp tổ chức để kiểm soát nguy cơ phát sinh khi sử dụng. Trường hợp các nguy cơ không thể được loại bỏ bằng các biện pháp này, phụ gia và premix phải được sử dụng kèm phương tiện bảo hộ cá nhân, bao gồm bảo vệ mắt, da và hô hấp. Đồng thời quy định lưu ý việc tuân thủ pháp luật của Liên minh châu Âu về bảo vệ người lao động trước nguy cơ phơi nhiễm qua đường hô hấp với silica tinh thể và nickel. Quy định có hiệu lực từ ngày 02/7/2026; thời hạn cấp phép đến ngày 02/7/2036. Thông báo không áp dụng thời hạn góp ý.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
24	G/SPS/N/EU/687/Add.1	TTBVTV, CNTY, ATTP	Liên minh châu Âu	01/7/2026	Liên minh châu Âu thông báo ban hành Quy định (EU) 2026/1388	Liên minh châu Âu thông báo dự thảo đã được thông báo tại G/SPS/N/EU/687 ngày 31/10/2023 nay đã được thông qua thành Quy định (EU) 2026/1388 về thực vật được tạo ra bằng một số kỹ thuật gen mới và các sản phẩm thu được từ các thực vật này. Quy định này đồng thời sửa đổi Quy định (EU) 2017/625. Quy định sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau ngày được công bố trên Công báo Liên minh châu Âu và áp dụng từ ngày 17/7/2028. Riêng các Điều 29, 30 và 31 sẽ được áp dụng từ ngày 16/7/2026. Thông báo không áp dụng thời hạn góp ý.
25	G/SPS/N/COM/1	CNTY, TSKN	Liên bang Cô-mo	01/7/2026	Liên bang Cô-mo thông báo về Luật số 25-022/AU ngày 26/12/2025 (Bộ luật Chăn nuôi) quy định về sức khỏe động vật và sản xuất chăn nuôi.	Liên bang Cô-mo thông báo Sắc lệnh số 26-024/PR ngày 02/02/2026 về việc công bố Luật số 25-022/AU ngày 26/12/2025 ban hành Bộ luật Chăn nuôi. Theo đó, Bộ luật Chăn nuôi quy định về sức khỏe động vật, y tế công cộng thú y và sản xuất chăn nuôi, thông qua việc xây dựng khung pháp lý đối với động vật trên cạn và động vật biển có thể nuôi. Bộ luật áp dụng cách tiếp cận “Một sức khỏe” (One Health), trong đó các quy định về chăn nuôi, thú y và phòng, chống dịch bệnh được xây dựng trên cơ sở xem xét đồng thời mối liên hệ giữa sức khỏe động vật, sức khỏe con người và môi trường. Bộ luật cũng quy định các nội dung liên quan đến tổ chức quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y; hành nghề thú y; phúc lợi động vật; môi trường trong hoạt động chăn nuôi; tổ chức dịch vụ thú y quốc gia; phòng, chống bệnh động vật; thức ăn chăn nuôi; cải thiện di truyền; quản lý giết mổ; kiểm soát dịch bệnh lây truyền từ động vật sang

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						người; kháng thuốc kháng vi sinh vật trong lĩnh vực chăn nuôi; kiểm soát vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật, sản phẩm có nguồn gốc động vật, thức ăn chăn nuôi và phụ phẩm động vật. Thông báo không áp dụng thời hạn góp ý.
26	G/SPS/N/AUS/557/Add.1	TTBVT	Ô-xtrây-li-a	01/7/2026	Ô-xtrây-li-a ban hành Báo cáo phân tích rủi ro dịch hại (PRA) đối với các tác nhân gây bệnh vi khuẩn thuộc chi <i>Xylella</i> .	Ô-xtrây-li-a ban hành Báo cáo phân tích rủi ro dịch hại (PRA) đối với các tác nhân gây bệnh vi khuẩn thuộc chi <i>Xylella</i>. Theo đó, trên cơ sở các ý kiến góp ý nhận được trong và sau thời gian tham vấn, cùng với thông tin mới được công bố về <i>Xylella</i>, bao gồm ký chủ thực vật, phân bố địa lý và các phương pháp xét nghiệm chẩn đoán mới, Ô-xtrây-li-a đã hoàn tất Báo cáo PRA và chuyển đổi từ các biện pháp khẩn cấp hiện hành sang các điều kiện nhập khẩu theo lộ trình triển khai từng giai đoạn. Cụ thể, quy định quản lý thực vật ký chủ được chuyển từ cấp họ sang cấp chi, đồng thời mở rộng phạm vi áp dụng đối với tất cả các loài <i>Xylella</i>, thay vì chỉ riêng <i>Xylella fastidiosa</i>. Các điều kiện nhập khẩu mới yêu cầu được tăng cường đối với vật liệu nuôi cấy mô thực vật ký chủ nhập khẩu từ các quốc gia hoặc khu vực có nguy cơ cao. Trong đó, yêu cầu xét nghiệm mẫu nuôi cấy mô mẹ sẽ được thay thế bằng yêu cầu xét nghiệm cây mẹ trước khi thiết lập các dòng nuôi cấy mô. Việc xét nghiệm phải được thực hiện bởi các phòng thí nghiệm được Ô-xtrây-li-a ủy quyền. Ngoài ra, Ô-xtrây-li-a cập nhật quy trình lấy mẫu thực vật và xét nghiệm PCR, bao gồm giới hạn ngưỡng chu kỳ Ct mới; đồng thời yêu cầu bản sao báo cáo xét nghiệm phòng thí nghiệm phải kèm theo giấy chứng

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						nhận kiểm dịch thực vật. Đối với vật liệu nhân giống không phải nuôi cấy mô từ quốc gia hoặc khu vực có nguy cơ cao và hạt giống gieo trồng thuộc chi <i>Carya</i> spp. từ mọi nguồn gốc, Ô-xtrây-li-a tiếp tục duy trì yêu cầu xét nghiệm bắt buộc tại cơ sở Kiểm dịch Sau nhập cảnh của Chính phủ Ô-xtrây-li-a nhằm xác nhận vật liệu nhập khẩu không nhiễm <i>Xylella</i>. Theo hướng dẫn triển khai của Ô-xtrây-li-a, Báo cáo PRA được hoàn tất ngày 30/6/2026; từ ngày 30/6/2026, các phòng thí nghiệm ngoài Ô-xtrây-li-a có thể nộp hồ sơ đăng ký theo Chương trình ủy quyền phòng thí nghiệm xét nghiệm <i>Xylella</i>. Các điều kiện nhập khẩu mới bắt đầu áp dụng từ ngày 20/01/2027. Đối với vật liệu nuôi cấy mô từ quốc gia hoặc khu vực có nguy cơ cao, giai đoạn chuyển tiếp từ ngày 20/01/2027 đến ngày 27/4/2028 cho phép chấp nhận kết quả xét nghiệm đối với mẫu nuôi cấy mô mẹ hoặc cây mẹ, với điều kiện hoạt động xét nghiệm đáp ứng các quy trình xét nghiệm và yêu cầu chứng nhận đã được cập nhật. Kể từ ngày 28/4/2028, yêu cầu xét nghiệm bắt buộc đối với cây mẹ sẽ được áp dụng và kết quả xét nghiệm mẫu nuôi cấy mô mẹ sẽ không còn được chấp nhận. Thông báo không áp dụng thời gian góp ý.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
27	G/SPS/N/USA/3577	BCT, ATTP	Hoa Kỳ	30/6/2026	Hoa Kỳ thông báo Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) tiếp nhận đơn kiến nghị về sửa đổi quy định đối với phụ gia thực phẩm.	Hoa Kỳ thông báo Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) tiếp nhận đơn kiến nghị về sửa đổi quy định đối với phụ gia thực phẩm, hướng tới cho phép sử dụng an toàn bức xạ ion hóa để giảm tác nhân gây bệnh trong bột mì tăng cường vi chất chưa qua xử lý. Theo đó, đơn kiến nghị đề xuất sửa đổi quy định tại mục 179.26 của Tiêu đề 21 Bộ Quy định Liên bang (21 CFR 179.26) về xử lý thực phẩm bằng bức xạ ion hóa, qua đó cho phép sử dụng bức xạ ion hóa đối với bột mì tăng cường vi chất chưa qua xử lý với liều chiếu xạ không vượt quá 30 kiloGray (kGy). Bên kiến nghị cho rằng đề xuất này thuộc trường hợp loại trừ phân loại theo quy định tại 21 CFR 25.32(j) và không có tình huống bất thường. Trường hợp FDA xác định điều kiện loại trừ phân loại được áp dụng, đề xuất sẽ không phải thực hiện đánh giá môi trường hoặc báo cáo tác động môi trường. Trường hợp FDA xác định điều kiện loại trừ phân loại không được áp dụng, FDA sẽ yêu cầu thực hiện đánh giá môi trường và công khai để phục vụ kiểm tra theo quy định. Đơn kiến nghị đã được FDA tiếp nhận ngày 05/6/2026. Thông báo không áp dụng thời hạn góp ý.

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế); TTBVTV: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; CCPT: Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường; CNTY: Chăn nuôi và Thú y; TSKN: Cục Thủy sản và Kiểm ngư; LNKL: Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; BCT: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương.